



# Khoa học & Công nghệ

## LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG



- ✧ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG VÀ HIỆN ĐẠI  
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025
- ✧ LÂM ĐỒNG CHỦ ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ THU HÚT CÁC NGUỒN LỰC  
GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG VÀ HIỆN ĐẠI
- ✧ LÂM ĐỒNG - CHAMPASAK: XA MÀ GẦN
- ✧ LÂM ĐỒNG - ĐÔNG FLANDERS: HAI XỨ SỞ RAU - HOA VÀ TÌNH HỮU NGHỊ!



# Khoa học & Công nghệ

## LÂM ĐỒNG

### TRONG SỐ NÀY

#### SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

#### LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

#### TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ: Số 36 Trần Phú - Tp.Đà Lạt  
Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163  
Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

#### CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Ngô Đình Văn Châu

#### Biên tập:

Nguyễn Minh Tâm  
Huỳnh Thanh Mai  
Nguyễn Thanh Nhân  
Lê Văn Công  
Ngô Huy Đông

#### Trình bày:

Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN

#### Ảnh bìa:

Đoàn công tác tỉnh Bolykhamxay - Lào  
sang thăm và làm việc tại Lâm Đồng (tháng 6/2016)

#### ✿ VẤN ĐỀ SỰ KIỆN

- 1 Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025
- 5 **Phạm S** - Lâm Đồng chủ động hợp tác quốc tế thu hút các nguồn lực góp phần phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại
- 8 **Nguyễn Văn Lục** - Chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản an toàn - Con đường tất yếu của sự phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững
- 9 **Phạm Hoàng** - Đầu tư chuỗi giá trị cho thương hiệu Actisô
- 11 **Diệp Quỳnh** - Lâm Đồng - Champasak: Xa mà gần
- 12 **Bảo Linh** - Lâm Đồng - Đông Flanders: Hai xứ sở rau - hoa và tình hữu nghị

#### ✿ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- 14 **Nguyễn Thị Ngọc Lý** - Những điểm mới của cơ chế tài chính cho nhiệm vụ KH&CN và một số gợi ý khi thanh tra các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước
- 16 10 năm thi hành Luật Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 18 **Nguyễn Bá Phong, Phan Đình Hồng** - Quản lý nhà nước về an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 20 **Mạc Khải** - Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành
- 21 **Trịnh Chu** - Sầu riêng Đa Huoai - Bước đầu xây dựng thương hiệu
- 22 **Xuân Long** - Hướng đi khả quan từ nuôi bò Kobe ở Bảo Lâm
- 24 Tin hoạt động khoa học công nghệ

#### ✿ GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI - DỰ ÁN

- 26 **Trương La** - Nghiên cứu vỗ béo bò lai cao sản
- 29 **Phan Xuân Huyền** - Nghiên cứu bảo tồn và nuôi trồng cây Lan gấm (*Anoectochilus* sp.) tại Đà Lạt - Lâm Đồng

#### ✿ KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

- 31 **Nguyễn Hữu Tranh** - Tư liệu Đà Lạt, Đồng Nai Thượng: Đà Lạt - Trung tâm giáo dục



# PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG VÀ HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

Ngày 11/11/2016, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng xin trích giới thiệu cùng bạn đọc.

## 1. Mục tiêu

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới (NTM), tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC), tăng năng suất lao động, năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích; mở rộng liên kết sản xuất, hình thành và phát triển chuỗi giá trị, tổ chức mạng lưới thu mua tiêu thụ nông sản hợp lý, giảm khâu trung gian, tăng thu nhập cho nông dân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

### Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

a) Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 của ngành nông nghiệp đạt 5,5-6%/năm; cơ cấu kinh tế ngành nông lâm, thủy sản 46-46,5%; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 73-76%, chăn nuôi 20-22%, dịch vụ 4-5%.

b) Duy trì diện tích đất canh tác nông nghiệp khoảng 300.000 ha; giá trị sản xuất bình quân đạt trên 170 triệu đồng/ha/năm; có trên 20% diện tích canh tác ứng dụng CNC theo tiêu chí mới, đạt 35-40% giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp; sản phẩm đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm (trong đó, có ít nhất 50% sản phẩm CNC) được tiêu thụ qua chuỗi sản xuất thực phẩm an toàn; đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho trên 65% diện tích gieo trồng cần tưới, có trên 15% diện tích gieo trồng áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm; giảm diện tích có giá trị sản xuất thấp dưới 50 triệu/ha/năm xuống dưới 20%.

c) Tiếp tục phát triển nuôi cá nước lạnh theo quy hoạch. Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân ít nhất từ 6%/năm, riêng đàn bò sữa tăng khoảng 23%/năm.

d) Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tăng 50% so với năm 2015; kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 650-700 triệu USD.

đ) Đến năm 2020, có ít nhất 100 xã (85,5% tổng số xã) và ít nhất 06 huyện đạt chuẩn huyện NTM; tỉnh đạt chuẩn NTM vào năm 2022. Tp. Đà Lạt và Bảo Lộc giữ vững và tiếp tục nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn NTM; đối với các xã còn lại đạt bình quân trên 16 tiêu chí/xã; không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí (trong đó phải đạt 02 tiêu chí hộ nghèo và thu nhập).

e) Có khoảng 51% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

## 2. Nhiệm vụ và giải pháp

### 2.1. Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, phát huy lợi thế cạnh tranh, tăng trưởng nhanh và ổn định

a) Quy hoạch, rà soát quy hoạch, quản lý theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến và dịch vụ. Rà soát quy hoạch phát triển nông nghiệp để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới, đảm bảo đồng bộ, phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Rà soát các vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp tập trung của tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; triển khai quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung; quy hoạch vùng NNCNC cho cây chè, cà phê, nhân rộng và phát triển các mô hình NNCNC hiệu quả.

- Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống nhà kính, nhà lưới trong sản xuất nông nghiệp của Tp. Đà Lạt và vùng phụ cận theo hướng bền vững, trên cơ sở quy hoạch diện tích nhà kính, nhà lưới phù hợp, lâu dài, đảm bảo cảnh quan môi trường, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện; có cơ chế, chính sách về đất đai trong phát triển nông nghiệp.

b) Đảm bảo cơ cấu nông nghiệp hợp lý; tiếp tục phát triển mạnh trồng trọt, nhất là những cây trồng chủ lực theo hướng thâm canh, tăng năng suất, ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN); tăng tỷ trọng chăn nuôi, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung:

- Duy trì diện tích đất canh tác nông nghiệp toàn tỉnh khoảng 300.000 ha. Rà soát, điều chỉnh các loại cây trồng, vật nuôi ở từng địa phương, đảm bảo cơ cấu hợp lý; xây dựng kế hoạch phát triển diện tích sản xuất NNCNC và trang trại chăn nuôi đến năm 2020. Ổn định diện tích: cà phê 150.000 ha, chè 25.000 ha, dâu tằm 5.000-6.000 ha, điều 10.000 ha; ổn định diện tích gieo trồng: rau 58.000 ha, hoa 7.800 ha; phát triển diện tích cây dược liệu và cây đặc sản để đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất, thu nhập. Thực hiện trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê, chè nhằm hình thành các mô hình canh tác bền vững, đồng thời tăng thêm thu nhập cho người dân.





- Phát triển đàn trâu, bò thịt, bò sữa cao sản, heo và diện tích nuôi cá nước lạnh. Trong đó, đến năm 2020, tổng đàn bò thịt đạt 100.000 con (bò lai Zêbu và bò lai cao sản đạt 75% tổng đàn; riêng bò lai cao sản từ 30.000-35.000 con, tập trung cho các giống Red Angus, Drought Master, BBB); đàn bò sữa trong nhân dân đạt từ 40.000-50.000 con và khoảng 20.000 con chăn nuôi tập trung tại các trang trại doanh nghiệp, nâng sản lượng sữa tươi đạt trên 200.000 tấn/năm; phát triển các giống bò sữa cao sản HF thuần để nâng sản lượng sữa bình quân đạt 5.900 lít/con/chu kỳ. Mở rộng quy mô chăn nuôi heo, gà theo hướng trang trại, chăn nuôi quy mô công nghiệp theo quy hoạch, giảm số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ; đảm bảo thức ăn cho gia súc, gia cầm. Mở rộng diện tích trồng cỏ chăn nuôi lên 4.000 ha để đảm bảo nguồn thức ăn phát triển chăn nuôi.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ nông dân có ruộng đất, phát triển quy mô, trang trại sản xuất lớn, giảm diện tích sản xuất manh mún; tạo điều kiện để các hộ nông dân, trang trại hình thành các doanh nghiệp tư nhân, dần phát triển thành các công ty TNHH, công ty cổ phần ở vùng nông thôn. Chuyển đổi diện tích canh tác hiệu quả thấp (*dưới 50 triệu đồng/ha/năm*) sang các loại cây trồng có hiệu quả cao hơn hoặc chăn nuôi.

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển các vệ tinh cung cấp nguyên liệu, hình thành vùng sản xuất nguyên liệu đủ lớn, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường cao cấp; gắn sản xuất với chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

### c) Về phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC:

- Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển NNCNC đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (*như: rau, hoa, chè, cà phê, cây đặc sản, dược liệu, bò sữa, bò thịt và cá nước lạnh*); tăng cường tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất một cách đồng bộ, hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng nông sản, gắn với dịch vụ du lịch, phát triển các làng nghề truyền thống; tiếp tục hình thành và nhân rộng mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp một cách hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho những vùng trọng điểm sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi chất lượng cao bằng cách: xây dựng hệ thống thủy lợi đầu mối cung cấp nước sạch; hệ thống giao thông nội đồng; hệ thống dịch vụ...; có chính sách hỗ trợ ưu đãi trong thời gian đầu để phát triển và ổn định sản xuất.

- Hình thành, thu hút đầu tư và phát triển có hiệu quả Khu NNCNC tỉnh Lâm Đồng, Khu công nghiệp nông nghiệp Tân Phú và khoảng 19 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC gắn với phát triển làng hoa, làng nghề truyền thống, xây dựng làng đô thị xanh và phát triển các mô hình du lịch canh nông.

### Định hướng đến năm 2025

a) Phát triển ngành nông nghiệp Lâm Đồng theo hướng tiếp cận đa ngành, trở thành trung tâm nghiên cứu, sản xuất NNCNC của cả nước; là vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa có giá trị cao trên thị trường Đông Nam Á.

b) Duy trì diện tích đất canh tác nông nghiệp khoảng 300.000 ha; tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt 3-3,5%/năm; giá trị sản xuất đạt trên 220 triệu đồng/ha/năm (trong đó, sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC chiếm 25% diện tích canh tác, giá trị đạt khoảng 300 triệu đồng/năm. Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 66-70%, chăn nuôi 25-28%, dịch vụ 5-7%; có ít nhất 70% diện tích được sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn và bền vững; giảm diện tích có giá trị sản xuất dưới 50 triệu đồng/ha/năm xuống dưới 5%.

c) Duy trì, xây dựng và phát triển hệ thống các công trình thủy lợi, ao, hồ nhỏ để đảm bảo diện tích được tưới đạt trên 70% diện tích gieo trồng cần tưới, có khoảng 20-30% diện tích gieo trồng áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm.

d) Đến năm 2025, có 10/10 huyện đạt chuẩn NTM.

đ) Có khoảng 63,5% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

## 2.2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, xây dựng nông thôn, gắn với xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững

a) Huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn:

- Phát triển hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, đảm bảo giảm chi phí sản xuất, lưu thông hàng hóa theo khu sản xuất, vùng sản xuất. Huy động nguồn lực đầu tư 05 công trình thủy lợi trọng điểm (*Đông Thanh, Đa Sĩ, Kazam, Hiệp Thuận, Ta Hoét*); đầu tư, sửa chữa, đảm bảo công suất thiết kế các công trình thủy lợi hiện có; phát triển hệ thống ao, hồ nhỏ phục vụ nước tưới, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, hiệu quả. Đảm bảo nguồn điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là những khu, vùng sản xuất NNCNC. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến nông sản. Thí điểm một số mô hình hợp tác công tư trong phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư, theo phương thức “*Nhân dân làm công trình - Nhà nước hỗ trợ vật tư*” để huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, nhân dân phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, ODA... để đầu tư hạ tầng nông thôn, phục vụ sản xuất. Thực hiện Dự án vay vốn tín dụng ngành, dựa trên kết quả đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (*nguồn vốn vay ODA của tổ chức JICA*).



Trồng dâu tây công nghệ cao tại Đà Lạt

b) **Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KHCN vào sản xuất nông nghiệp như:** công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ nhà kính, nhà lưới, công nghệ thủy canh, công nghệ nano, công nghệ tự động hóa, công nghệ chế biến sản phẩm nông sản... Ưu tiên thực hiện các biện pháp chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với trình độ canh tác của người dân; sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiết kiệm nước, công nghệ bảo quản, phân loại, đóng gói sau thu hoạch; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất, chế biến nông sản như: VietGAP, GlobalGAP, HACCP, ISO, UTZ, 4C, Rainforest...

c) **Thực hiện cơ chế, chính sách, đẩy mạnh liên doanh, liên kết; khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân đầu tư vào nông nghiệp:**

- Xác định doanh nghiệp, hợp tác xã là lực lượng nòng cốt trong xây dựng mô hình, chuyển giao công nghệ, thu mua và tiêu thụ nông sản. Từ đó, thực hiện tốt các chủ trương, cơ chế, chính sách ưu đãi của Chính phủ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là các lĩnh vực: sản xuất NNCNC; chuyển giao khoa học - kỹ thuật; sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp; thu mua, bảo quản, phân loại, đóng gói, nhãn hiệu, phân phối sản phẩm nông nghiệp. Khuyến khích thành lập mới các doanh nghiệp tại khu vực nông thôn, tạo nguồn lực đầu tư phát triển NNCNC. Khuyến khích khởi nghiệp từ các hộ nông dân, chủ trang trại, nhất là nông dân thế hệ mới để thành lập doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, liên kết với các hộ dân khác trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; vận dụng cơ chế, chính sách đặc thù (theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ) để hỗ trợ doanh nghiệp khi đầu tư vào Tp. Đà Lạt và vùng phụ cận.

- Nghiên cứu, vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách về ưu tiên, hỗ trợ phát triển hợp tác xã để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp (về đất đai, tài chính, tín dụng, KHCN, thị trường, đào tạo, nguồn nhân lực...). Vận động các hộ nông dân sản xuất một loại

hàng hóa để hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, hình thành đầu mối tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, mở rộng liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp để hình thành chuỗi giá trị nông sản, nhằm giảm khâu trung gian giữa sản xuất với tiêu thụ, tăng thu nhập cho nông dân; áp dụng quy trình chế biến hiện đại theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu thụ ở các thị trường cao cấp; thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất như: chính sách ưu đãi tín dụng để tái canh, cải tạo giống cà phê; chương trình hỗ trợ tín dụng giảm tổn thất sau thu hoạch; Dự án tín dụng phát triển nông nghiệp từ nguồn vốn ODA - Nhật Bản...

- Gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến các mặt hàng nông sản; hình thành các trung tâm bảo quản nông sản; liên kết hợp tác với Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng chợ đầu mối nông sản, sản giao dịch hoa...; mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm chăn nuôi; đa dạng hóa ngành nghề, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu hợp lý trong nông nghiệp, nhất là các dịch vụ nông nghiệp.

d) **Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM gắn với giảm nghèo bền vững:**

Rà soát quy hoạch nông nghiệp, NTM, đảm bảo thống nhất giữa các quy hoạch sản xuất, dân cư và hạ tầng giao thông. Xây dựng nông thôn đáng sống, giảm phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường. Quy hoạch phát triển các khu dân cư tập trung kiểu mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn bản sắc văn hóa. Đẩy mạnh xã hội hóa, đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo các tiêu chí, ưu tiên các nguồn lực để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, hoàn thành mục tiêu xây dựng tỉnh, huyện, xã đạt chuẩn NTM và giảm nghèo bền vững theo tiêu chí giảm nghèo đa chiều; tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng các xã, huyện đã đạt chuẩn NTM để trở thành kiểu mẫu cho các địa phương, cơ sở khác tham khảo thực hiện.

### 2.3. Tăng cường tuyên truyền về phát triển nông nghiệp, xây dựng và phát triển thương hiệu, thị trường rau, hoa, nông sản Lâm Đồng

a) Tăng cường tuyên truyền rộng rãi trong hệ thống chính trị và toàn xã hội về chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững của tỉnh để tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của người dân trong việc thực hiện chủ trương quan trọng này; thực hiện tốt công tác dự báo thị trường; tuyên truyền về vai trò chủ thể của người dân, cung cấp, cập nhật thông tin, nhu cầu tiêu thụ nông sản cho người dân.

b) Tiếp tục xúc tiến, xây dựng chiến lược thương hiệu và quảng bá các mặt hàng nông sản. Phối hợp với Tổ chức JICA - Nhật Bản xây dựng thành công





chiến lược phát triển thương hiệu nông sản, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị thương hiệu có tầm quốc tế, cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm, tạo sự đồng tình, ủng hộ, tin tưởng vào chất lượng, để tạo điều kiện cho nông sản Lâm Đồng gia nhập thị trường thế giới.

c) Tiếp tục phát triển các làng hoa, làng nghề truyền thống, xây dựng làng đô thị xanh và phát triển các mô hình du lịch canh nông để giới thiệu, quảng bá nông sản Lâm Đồng đến thị trường trong và ngoài nước.

### **2.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện**

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch sản xuất nông nghiệp, nguồn nước, chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, cảnh quan. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp với phong cách làm việc thân thiện, trách nhiệm và hỗ trợ dịch vụ công, tạo đột phá trong thu hút đầu tư. Tập trung đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng, đảm bảo nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

b) Chủ động đổi mới hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, thủy sản phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, mở rộng liên kết hợp tác sản xuất, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; mở rộng các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ khuyến nông; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở.

c) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; có chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia trong nông nghiệp; xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp hàng đầu cho Lâm Đồng, vùng Tây Nguyên. Bồi dưỡng kiến thức về công nghệ, hội nhập quốc tế, thể chế hóa các quy định phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp.

d) Xác định nông dân là chủ thể và là lực lượng quan trọng có tính chất quyết định đến việc thực hiện chủ trương tái cơ cấu nông nghiệp; từ đó có kế hoạch đào tạo nghề hợp lý cho nông dân, nhất là nông dân thế hệ trẻ; tăng cường tập huấn cho nông dân ở các nước tiên tiến về nông nghiệp để áp dụng công nghệ mới, các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, có kiến thức pháp luật khi tham gia các liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trong việc tiếp cận với công nghệ mới, mô

hình quản lý tiên tiến và kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế.

### **2.5. Tăng cường hợp tác, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế**

a) Tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng phương pháp quản lý, công nghệ mới vào thực tế sản xuất; cập nhật, áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất, chế biến đảm bảo phù hợp yêu cầu thị trường, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu. Xây dựng các biện pháp tự vệ khi tham gia thị trường xuất khẩu và cạnh tranh phù hợp khi gia nhập các hiệp định thương mại.

b) Thu hút nguồn vốn ODA, FDI để đầu tư phát triển sản xuất. Có chiến lược mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là các thị trường cao cấp như Nhật Bản, Mỹ, châu Âu... Ưu tiên nguồn lực thực hiện thành công *Dự án phát triển nông nghiệp theo cách tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp* do tổ chức JICA - Nhật Bản hỗ trợ; hợp tác với các nước Bỉ, Hà Lan, Israel, Hàn Quốc... về phát triển nông nghiệp.

c) Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến rộng rãi trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân thực hiện các cam kết khi Việt Nam tham gia các tổ chức WTO, TPP, ASEAN, Cộng đồng kinh tế Á - Âu..., nhằm chủ động nắm bắt thời cơ, lường trước thách thức, hạn chế rủi ro khi các hiệp định trên có hiệu lực.

### **2.6. Sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

a) Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước,... phục vụ phát triển nông nghiệp; xây dựng các mô hình canh tác theo hướng cảnh quan bền vững nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường; nghiên cứu nhập nội, khảo nghiệm các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; quy hoạch hợp lý, giảm dần diện tích nhà lưới, nhà kính, nhất là ở khu vực đô thị, tạo cảnh quan, môi trường. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học; bảo tồn, phát triển Khu sinh quyển thế giới Lang Biang, các vườn quốc gia, khu bảo tồn, rừng cảnh quan.

b) Trồng cây phân tán, che bóng trong diện tích sản xuất nông nghiệp; quản lý, bảo vệ môi trường trong sản xuất, chế biến các sản phẩm theo quy định của pháp luật; phòng, chống dịch bệnh, giảm thiểu thiệt hại trong sản xuất và đời sống của nhân dân; xây dựng kế hoạch ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

c) Tăng cường tuyên truyền, vận động, thực hiện các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường nông thôn, sử dụng nước hợp vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải; thực hiện phong trào xây dựng thành phố, trung tâm huyện, xã, khu dân cư "*xanh - sạch - đẹp*"; quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn xử lý về môi trường. ■



## LÂM ĐỒNG CHỦ ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ THU HÚT CÁC NGUỒN LỰC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG VÀ HIỆN ĐẠI

**TS. PHẠM S**

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh miền núi phía Nam Tây Nguyên với diện tích tự nhiên 9.773 km<sup>2</sup>, trong đó có khoảng 316.000 ha đất sản xuất nông nghiệp; có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và dịch vụ du lịch. Chính vì thế, trong những năm qua, tỉnh xác định tạo điều kiện, xây dựng phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh.

Trên cơ sở lợi thế so sánh, Lâm Đồng xác định nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là khâu đột phá trong sản xuất, thúc đẩy ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trở thành ngành kinh tế chủ lực của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có khoảng 50.000 ha đất canh tác sản xuất ứng dụng công nghệ cao; 19 sản phẩm được công nhận nhãn hiệu chứng nhận và 8 doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao (chiếm 29% so với cả nước). Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 30% giá trị ngành nông nghiệp; lợi nhuận cho người sản xuất đạt trên 30% so với doanh thu. Giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất thu hoạch năm 2016 đạt bình quân trên 160 triệu đồng/ha/năm, trong đó khoảng 14.000 ha đạt 250-500 triệu đồng/ha/năm, khoảng 12.000 ha đạt 500-1.000 triệu đồng/ha/năm, 1.500 ha đạt trên 1.000 triệu đồng/ha/năm. Đặc biệt nhiều diện tích rau thủy canh đạt 8 tỷ đồng/ha/năm; lan Vũ nữ đạt 5 tỷ đồng/ha/năm; lan Hồ điệp đạt 24 tỷ đồng/ha/năm.

Để đạt được những thành quả trên, ngoài việc chủ động của các thành phần kinh tế, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp và kinh tế hộ trong đầu tư các nguồn lực để phát triển nông nghiệp thì sự chủ động hợp tác quốc tế, thu hút các nguồn lực đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại.

### Tăng cường hợp tác quốc tế

Trong 10 năm (2005 - 2016), tỉnh Lâm Đồng đã đón tiếp 1.010 đoàn với 6.700 lượt người



Lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng thăm vườn giống của Công ty TNHH Sản xuất Bejo Việt Nam

Đến nay, tỉnh Lâm Đồng có quan hệ với 24 quốc gia và vùng lãnh thổ gồm: Mỹ, Canada, Úc, Pháp, Hà Lan, Bỉ, Thụy Sĩ, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đức, Tây Ban Nha, Anh, Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào, Singapore, Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Ấn Độ và Đài Loan (Trung Quốc). Đồng thời, địa phương kết nối quan hệ với 12 tổ chức quốc tế là: Ngân hàng Thế giới, Quỹ Malaria toàn cầu, Quỹ Môi trường toàn cầu, Cơ quan Phát triển Na Uy, Cơ quan phát triển hợp tác Tây Ban Nha, Viện chiến lược Môi trường toàn cầu, Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản, Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc, Tổ chức PUM - Hà Lan, Liên minh châu Âu, ASEAN, Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản; và thiết lập mối quan hệ hợp tác hữu nghị với 07 địa phương nước ngoài (tỉnh Lipetsk - Nga, tỉnh Champasak, tỉnh Bolykhamxay - Lào, thành phố Vaucluse - Pháp, tỉnh Jihocesky Kraj - Cộng hòa Czech, thành phố Guri - Hàn Quốc và tỉnh Đông Flanders - Vương quốc Bỉ).

nước ngoài đến làm việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh. Qua đó, tỉnh đã chủ trì và



phối hợp tổ chức khoảng 130 hội nghị, hội thảo quốc tế tại địa phương. Thông qua các hội thảo khoa học đã giúp các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp tiếp thu các tri thức khoa học và trình độ quản trị tiên tiến trên thế giới để vận dụng sáng tạo trong điều kiện thực tiễn của địa phương. Ngoài ra, tỉnh cũng đã đón 44 tổ chức phi chính phủ, các tổ chức, cá nhân nước ngoài khác đến làm việc với mục tiêu an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững.

Từ đầu năm 2014 đến nay, tỉnh Lâm Đồng đã đón tiếp 90 đoàn ngoại giao cấp cao đến thăm và làm việc tại địa phương; chủ yếu đến từ Nhật Bản, Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Úc, Thái Lan... Tỉnh Lâm Đồng cũng đã cử 450 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, nghiên cứu, học tập các mô hình phát triển kinh tế, văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên địa phương tại Pháp, Anh, Singapore, Hàn Quốc, Lào, Nhật Bản, Úc...; qua đó góp phần nâng cao nhận thức, mở ra cơ hội tiếp xúc với các đối tác nước ngoài, quảng bá văn hóa, con người địa phương đến bạn bè quốc tế. Hàng năm, tỉnh Lâm Đồng ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư. Hiện nay, tỉnh đang ưu tiên kêu gọi 04 dự án đầu tư cấp quốc gia, 50 dự án đầu tư cấp tỉnh.

### Thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp

Từ những cơ chế, chính sách của tỉnh, tình hình thu hút các doanh nghiệp FDI cùng với các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày càng tăng; bước đầu hình thành các chuỗi liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, người nông dân và hợp tác xã, phát triển thị trường trong và ngoài nước góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân, đồng thời khẳng định vai trò về chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời gian qua, Lâm Đồng đã thu hút 67 doanh nghiệp FDI đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng vốn đầu tư 4.640 tỷ đồng, gồm 03 doanh nghiệp đầu tư lĩnh vực chăn nuôi; 09 doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp kết hợp chăn nuôi, trồng trọt; 19 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất - kinh doanh chè, cà phê; 34 doanh nghiệp đầu tư lĩnh vực sản xuất kinh doanh rau, hoa, dâu tây. Trong đó, Hàn Quốc có 16 dự án với số vốn khoảng 54,02 triệu USD; Nhật Bản có 11 dự án với số vốn khoảng 32,48 triệu USD; số còn lại đầu tư trên một số lĩnh vực khác như sản xuất giống cây trồng, trồng nấm, nho, ươm tơ... Điển hình như Tập đoàn Tài chính Bejo, bên cạnh dự án FDI



Doanh nghiệp Hàn Quốc tham quan mô hình trồng rau thủy canh tại Tp. Đà Lạt

trước đây, hiện nay đang tiếp tục đầu tư dự án sản xuất giống rau trên địa bàn huyện Lâm Hà với mục tiêu sản xuất giống rau phục vụ xuất khẩu lớn nhất Đông Nam Á với kinh phí 9,5 triệu Euro; Dự án nhân giống hoa cao cấp của Công ty TNHH Dalat Hasfarm lớn nhất Việt Nam với kinh phí 1,5 triệu USD.

Trong 5 năm trở lại đây, tỉnh Lâm Đồng đã và đang triển khai thực hiện 07 dự án ODA liên quan đến phát triển hạ tầng nông nghiệp, cải thiện năng suất và chất lượng nông sản như: (i) Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất với tổng nguồn vốn 273 tỷ đồng; (ii) Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm với tổng nguồn vốn 79,404 tỷ đồng; (iii) Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) với tổng nguồn vốn 197,3 tỷ đồng; (iv) Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) với tổng nguồn vốn 226,870 tỷ đồng; (v) Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển nông nghiệp với tổng nguồn vốn 1.428,43 tỷ đồng; (vi) Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn với tổng nguồn vốn 210,182 tỷ đồng; (vii) Chương trình Cảnh quan bền vững Tây Nguyên (ISLA) thực hiện theo hình thức PPP với tổng nguồn vốn khoảng 50 tỷ đồng.

Thông qua sự hỗ trợ của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, tỉnh Lâm Đồng đã ký kết hợp tác song phương với tỉnh Đông Flanders, Vương quốc Bỉ thực hiện các dự án thử nghiệm chuyển giao giống và quy trình canh tác rau, hoa công nghệ cao; hợp tác về phát triển nông nghiệp công nghệ cao và giáo dục đào tạo tại tỉnh Champasak và tỉnh Bolykhamxay - Lào.

Đối với Chương trình hợp tác phát triển nông nghiệp Việt Nam - Nhật Bản, Lâm Đồng vinh dự được chọn là 1 trong 2 địa phương thực





Trang trại hoa của Công ty TNHH Dalat Hasfarm

hiện thí điểm thông qua việc triển khai Dự án xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp với 4 mục tiêu cơ bản: xây dựng thương hiệu số một Việt Nam; xây dựng cụm sản xuất rau, hoa số một Đông Nam Á; xây dựng điểm du lịch nông nghiệp số một Việt Nam; hình thành trung tâm đào tạo nhân lực và nghiên cứu nông nghiệp chủ lực tại Tây Nguyên.

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng đang cùng với Tổ chức JICA tập trung triển khai các dự án thành phần như xây dựng Khu công nghiệp - nông nghiệp; Trung tâm sau thu hoạch; Trung tâm giao dịch hoa tại Tp. Đà Lạt; hiện đại hóa khâu sản xuất rau, hoa; du lịch canh nông; dự án tín dụng nông nghiệp; đặc biệt dự án phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất với nguồn vốn khoảng 1.428,43 tỷ đồng. Dự án xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu nông sản và du lịch canh nông “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” từ ngân sách của tỉnh khoảng 11 tỷ đồng nhằm quảng bá hình ảnh thương hiệu Đà Lạt ra toàn cầu. Với tầm tác động rất lớn, khá toàn diện của dự án này, có thể xem đây là một trong những cơ sở khoa học và thực tiễn rất quan trọng, kỳ vọng sẽ là cuộc cách mạng trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng tạo đột phá trong những năm tới.

Về lĩnh vực phát triển nông nghiệp bền vững, thông qua Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững và Chương trình UNREDD+, Chương trình Cảnh quan bền vững Tây Nguyên (ISLA), với sự tham gia của khối nhà nước và tư nhân mang tính chất đột phá, đánh dấu sự hình thành và phát triển của hợp tác công - tư trong xây dựng cảnh quan bền vững của tỉnh. Các nhóm Công tác Nước và Nông - Lâm kết hợp được Ban chỉ đạo huy động từ các chuyên gia đầu ngành của



Sản xuất hồng sấu theo công nghệ Nhật Bản

khối công - tư nhằm tư vấn, giám sát và đánh giá các giải pháp can thiệp kỹ thuật, định hướng chiến lược cho chương trình, kết nối, phối hợp đồng tài trợ với các chương trình cùng mục tiêu như: (i) Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững Việt Nam (VnSAT), (ii) Chương trình UNREDD+, (iii) Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam, (iv) Chương trình Cà phê và Khí hậu, (v) Dự án cơ sở hạ tầng khu vực Tây Nguyên (ADB) và các dự án đầu tư của khu vực tư nhân.

Về lĩnh vực công nghệ, nhiều công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới đã được nghiên cứu, áp dụng vào thực tế sản xuất giúp nâng cao năng suất, chất lượng nông sản. Nhận thức của nông dân và doanh nghiệp về sản xuất ứng dụng công nghệ cao có sự chuyển biến rõ rệt. Thông qua hợp tác quốc tế, các thành phần kinh tế đã chủ động lựa chọn và áp dụng các công nghệ tiên tiến của thế giới vào sản xuất như: công nghệ nhà kính, nhà lưới, công nghệ xử lý môi trường, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, tin học hóa, công nghệ nano, công nghệ thủy canh, công nghệ tưới tiết kiệm nước, canh tác hữu cơ, công nghệ sau thu hoạch...

\*\*\*

Có thể nhận định thông qua hợp tác quốc tế, tỉnh Lâm Đồng đã thu hút các nguồn lực đầu tư khá lớn góp phần phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại, phần đầu trở thành một trong những trung tâm nông nghiệp chất lượng cao khu vực Đông Nam Á vào năm 2020. Tuy nhiên, việc thu hút các nguồn vốn FDI còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng. Hy vọng rằng những phân tích nêu trên là cơ sở khoa học và thực tiễn để các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục quan tâm đầu tư vào tỉnh Lâm Đồng cùng hợp tác khai thác tiềm năng lợi thế so sánh, tạo đột phá thu hút các dự án FDI trong những năm tới. ■



## CHUỖI LIÊN KẾT SẢN XUẤT - TIÊU THỤ NÔNG SẢN AN TOÀN

*Con đường tất yếu của sự phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững*

**NGUYỄN VĂN LỤC**

*Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản*

Ngày 20/7/2017, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1601/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch hình thành và quản lý chuỗi sản xuất nông nghiệp bền vững, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh năm 2017.

Theo đó, năm 2017, toàn tỉnh sẽ xây dựng 11 chuỗi liên kết sản xuất nông sản an toàn, tập trung vào những sản phẩm chủ lực như rau các loại, chè, cà phê, cây ăn quả, các loại gạo; bò sữa, heo, gà,... nhằm mục tiêu nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng và ổn định thị trường, đưa tỷ lệ sản phẩm của các chuỗi được tiêu thụ thông qua hợp đồng đạt trên 90% và tổng sản lượng nông sản được sản xuất và tiêu thụ thông qua hợp đồng tăng lên 30% so với năm 2016. Trong các năm tiếp theo sẽ xây dựng hàng chục chuỗi sản xuất mỗi năm, góp phần cung ứng thực phẩm an toàn. Phấn đấu đến năm 2020, toàn tỉnh có 124 chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn.

### Chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản an toàn

Chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản có nhiều cách gọi khác nhau như chuỗi liên kết giá trị, chuỗi liên kết sản xuất nông sản bền vững, chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản an toàn, liên minh sản xuất nông sản an toàn,... nhưng đều nhằm mục đích:

+ Từng bước nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của tỉnh, hình thành và quản lý các chuỗi sản phẩm chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm và giảm phát thải khí nhà kính. Thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi từ trang trại đến bàn ăn gắn với xây dựng, nâng cao thương hiệu nông sản, tăng khả năng tiêu thụ nông sản an toàn trong nước và chủ động hội nhập quốc tế.

+ Sản xuất nông nghiệp hiện nay đa phần vẫn là nhỏ lẻ, manh mún, không theo quy trình chung, chất lượng không đồng đều, thiếu gắn kết, ổn định. Khi xây dựng chuỗi sẽ liên kết các hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp từ sản xuất đến sơ chế, chế biến, đóng gói, kinh doanh, tiêu thụ nông sản an toàn theo một quy trình thống nhất.

+ Sản xuất quy mô hộ gia đình gây khó khăn trong công tác quản lý an toàn thực phẩm, các cơ quan quản lý nhà nước không đủ nguồn lực kiểm soát tất cả các cơ sở sản xuất, hộ nông dân. Khi xây dựng chuỗi sẽ phân công trách nhiệm kiểm soát an toàn



Các thành viên trong tổ hợp tác Hương sắc Đà Lạt kiểm tra chất lượng hoa lan của các tổ viên

thực phẩm một cách hợp lý như doanh nghiệp, hợp tác xã kiểm soát nông dân; cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã.

+ Sản xuất quy mô hộ gia đình, thiếu liên kết gây khó khăn trong việc kết nối thị trường. Khi thực hiện chuỗi, các thành viên sẽ ký kết hợp đồng, cam kết thực hiện đúng thỏa ước, tăng khả năng tiêu thụ nông sản, phân chia lợi ích hài hòa.

+ Khi liên kết sản xuất, người nông dân sẽ hợp tác cùng bán sản phẩm, có thể cùng mua vật tư tại một nhà máy giúp giảm giá thành, có điều kiện trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh,...

Hiện nay, với nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng, người tiêu dùng không còn thói quen “ăn no mặc ấm” mà thay vào đó là “ăn ngon mặc đẹp” và dần hướng tới “tiêu dùng an toàn”, đòi hỏi việc nhận diện, truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Điều đó chỉ thực hiện được khi sản xuất theo chuỗi, kiểm soát toàn bộ quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ và phải có tem nhận diện điện tử.

### Các bước hình thành và quản lý chuỗi

Để hình thành và quản lý chuỗi sản xuất - tiêu thụ sản phẩm an toàn, khâu đầu tiên là phải nâng cao nhận thức cho mọi người về sự cần thiết tất yếu phải xây dựng chuỗi nông sản an toàn; hiểu cách thức xây dựng và quản lý chuỗi; có sự cam kết hợp tác ổn định lâu dài giữa các thành phần kinh tế, giữa các thành viên tham gia chuỗi.

Các thành viên trong chuỗi thống nhất các tiêu chí phải đạt khi xây dựng chuỗi (tiêu chí về chất lượng sản phẩm, về đảm bảo an toàn thực phẩm trong từng công đoạn của quá trình sản xuất, về kiểm soát an toàn thực phẩm, về nhận diện sản phẩm an toàn, dán tem, dán nhãn thương hiệu) và ký kết hợp tác ổn định, lâu dài.





Hiện nay, Lâm Đồng đã xây dựng 54 chuỗi liên kết sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản an toàn gồm 29 chuỗi rau (diện tích 1.504 ha, sản lượng 169.596 tấn/năm với 818 hộ liên kết); 17 chuỗi chè (diện tích 916 ha, sản lượng 9.652 tấn chè búp tươi/năm); 03 chuỗi hoa (diện tích 236 ha, sản lượng 181 triệu cành) và 04 vùng chăn nuôi an toàn với 800 hộ liên kết.

Chuỗi thực phẩm an toàn phải được cấp chứng nhận chất lượng (VietGAP, UTZ, 4C, HACCP, ISO...); được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận sản xuất theo chuỗi. Hàng năm, các đơn vị có liên quan như siêu thị, các trung tâm chứng nhận chất lượng, cơ quan nhà nước, các đối tác... tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các tiêu chí về chuỗi.

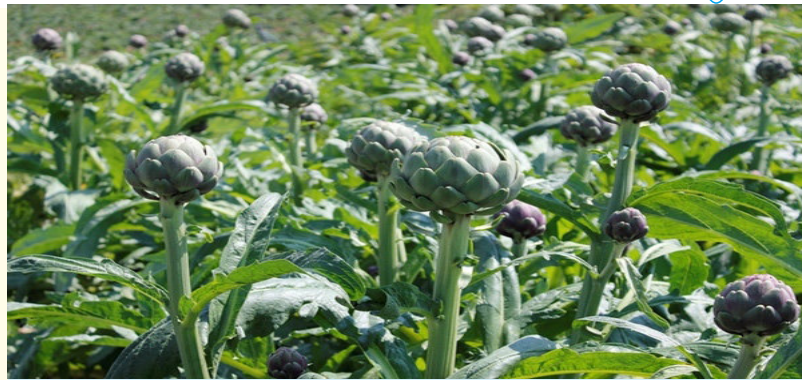
Điều quan trọng là khi xây dựng chuỗi nông sản an toàn, bền vững, các chuỗi sẽ có trách nhiệm tiêu thụ hết nông sản cho các thành viên và phân chia lợi ích hài hòa. Trên cơ sở đó các chuỗi mở rộng quy mô sản xuất, kết nạp thêm thành viên mới, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu.

\*\*\*

Đảm bảo an toàn thực phẩm bằng việc xây dựng các chuỗi liên kết, thực hiện việc tự kiểm tra, kiểm soát của các thành viên trong chuỗi nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi “từ trang trại đến bàn ăn” được quy định trong Luật An toàn thực phẩm là rất quan trọng và cấp thiết. Việc tổ chức thực hiện thành công Kế hoạch góp phần nâng cao nhận thức của các nhà quản lý, người sản xuất và người tiêu dùng về an toàn thực phẩm, tạo ra giá trị cao của sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông, lâm, thủy sản có thể mạnh của Lâm Đồng, bảo vệ sức khỏe của người sản xuất, người tiêu dùng, bảo vệ môi trường sống và an sinh xã hội, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và là con đường tất yếu để phát triển nông nghiệp bền vững. ■



Hướng dẫn xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản an toàn cho doanh nghiệp



## ĐẦU TƯ CHUỖI GIÁ TRỊ CHO THƯƠNG HIỆU ACTISÔ

**PHẠM HOÀNG**

*Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng*

### Thương hiệu Actisô Đà Lạt đang ở đâu?

Actisô (*Cynara scolymus* L.) họ Cúc Asteraceae, được người Pháp di thực vào Việt Nam từ đầu thế kỷ 20, thích hợp phát triển ở vùng cao nguyên (Đà Lạt, Sa Pa, Hà Giang), có tiềm năng phát triển trong nhóm cây dược liệu chủ lực với thương hiệu quốc gia (theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013).

Actisô Đà Lạt đã được chọn vào top 50 quà tặng ASEAN; một trong 3 món ăn tại Hội nghị APEC; top 50 món ăn, trái cây đặc sản Việt Nam do Guinness Việt Nam bình chọn.

Xét về giá trị sản phẩm, với những lợi ích về sức khỏe, điều trị bệnh, thực phẩm chức năng..., được kỳ vọng phát triển ổn định, bền vững tại vùng cao, cùng với giá trị gia tăng chất Cynarin và tiềm năng phát triển chủ lực trong nhóm cây thuốc quốc gia..., cây Actisô cần được nhận thức đầy đủ hơn về giá trị kinh tế, xã hội, sức khỏe, dược liệu thay vì dừng lại ở góc độ đặc sản Đà Lạt, Sa Pa (cao, trà, túi lọc...).

Trong toàn bộ quá trình sản xuất và phát triển chuỗi giá trị Actisô, nhà vườn nằm ở phân khúc đầu, luôn chịu thiệt thòi, đối mặt với những rủi ro, mức thu nhập thấp (khoảng 400-600 triệu/ha/năm). Trong điều kiện sản xuất nhỏ lẻ, phân tán hoặc đã được tổ chức thành tổ hợp tác (phường 12), 80% sản phẩm thô đều chịu sự chi phối, điều tiết giá tiêu thụ từ các







Cánh đồng Actisô theo tiêu chuẩn GACP ở Hà Giang



Nhóm hạt nhân Actisô Đà Lạt

đơn vị thu mua chế biến; 20% còn lại do các nông hộ sơ chế nhỏ lẻ, tự phát và chịu sự cạnh tranh hoặc bán phá giá với các mặt hàng cùng loại, không chịu sự kiểm soát thật/giả cũng như việc công bố tiêu chuẩn chất lượng khi lưu hành sản phẩm.

Hiện nay, nhiều nhà vườn vẫn sản xuất theo tập quán canh tác cũ, chưa áp dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch (phơi trên nền đất, dọc lề đường). Trong khâu xử lý đất còn sử dụng phân xác cá (mắm) làm hạ phẩm cấp, tồn dư kim loại nặng và mùi trên nguyên liệu lá, thân, rễ... gây tổn kém chi phí xử lý để có thành phẩm Actisô đạt quy chuẩn.

Vụ mùa 2016, nhiều nhà vườn trồng Actisô bị đe dọa mất giống, thoái hóa giống (tím, trắng, A85) do biến đổi khí hậu (lượng mưa cao); cùng với việc chạy theo lợi nhuận đã dùng thuốc kích hoa để bán bông tươi với giá cao. Do đó, diện tích cây Actisô bị thu hẹp (xuống còn 130 ha), trên 50% mầm tước lấy giống bị hư hại, trong khi nguồn cung giống tại các phòng thí nghiệm bị động và bị cạnh tranh bởi giá trị từ cây rau, hoa và yêu cầu chất lượng nguyên liệu đầu vào sạch, ổn định cho các nhà máy chế biến.

**Một số giải pháp đầu tư phát triển Actisô Đà Lạt**

Ở phân khúc đầu của chuỗi giá trị, nhà đầu tư chỉ dừng lại ở khâu kinh doanh nguyên liệu thô, chế biến thô, các mặt hàng trùng lặp hoặc thiếu vắng sự liên kết, đảm bảo hợp đồng đầu tư, bao tiêu sản phẩm cũng như sự thống nhất giữa phân khúc đầu với phân khúc cuối của chuỗi giá trị. Đồng thời, hiện nay, giữa các nhà máy chế biến và nhà vườn đang tồn tại những vấn đề thương mại không công bằng' cần xóa bỏ rào cản, tự phát, phân tán của mạng lưới hạt nhân thương mại.

Theo quy luật giá trị, phân khúc cuối cho lợi nhuận cao nhất khi định vị nhãn hiệu từ cấp độ chất lượng sản phẩm cạnh tranh. Do đó, cần xác định vai trò của mạng lưới hạt nhân thương mại, cùng với sự xuất hiện mối quan hệ đồng thuận giữa nhóm hạt nhân CEO, kỹ thuật, tài chính cho nhóm nhà vườn, nhà máy (kỹ thuật), nhà đầu tư tài chính nhằm hội tụ các

nhân tố PoPs, PoDs (\*) để giải quyết các mâu thuẫn của chuỗi giá trị:

- Thúc đẩy hoạt động định vị thương hiệu cạnh tranh bền vững cho Actisô Việt Nam, thay vì dừng lại ở sản phẩm cá biệt (cao, đặc sản); giảm sự trùng lặp mặt hàng và cạnh tranh không lành mạnh, không minh bạch khi tự công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm lưu hành trên thị trường như chưa nêu rõ hàm lượng tinh chất Cynarin, giá trị dinh dưỡng trên bao bì, tạo sự nhầm lẫn, không minh bạch khi xem, đọc nhãn hiệu hoặc khi muốn nhận diện so sánh giá trị thương hiệu, mã vạch, truy nguyên nguồn gốc sản phẩm và bình chọn chất lượng nhãn hiệu.

- Kích thích doanh nghiệp dẫn đầu (top) chế biến sâu Actisô đầu tư phát triển công nghệ, thiết bị hiện đại (cô đặc, chiết, sấy phun, nano hóa Cynarin...) tạo sản phẩm mới (viên nang mềm, viên sủi, alcofree, thức uống phối hợp...). Điều này sẽ góp phần giảm sản phẩm trùng lặp, khó kiểm soát, chi phí cao, sản xuất thủ công (bán thủ công) cho nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ, nông hộ... do không có điều kiện đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại; hạn chế sự cạnh tranh không lành mạnh, phá giá...; nâng cao ý nghĩa văn hóa nhân văn, lợi ích cho thương hiệu Actisô (vùng, miền/quốc gia) với những sản phẩm từ loài cây này.

- Nhóm doanh nghiệp thương mại sẽ đóng vai trò định vị, phát triển chuỗi phân phối sản phẩm (khoảng 10 chủng loại mặt hàng) như túi lọc (thuần và pha trộn), cao (lá, hoa...), ống (uống, pha), thực phẩm (chức năng, món ăn, giải khát, kẹo), hàng thô (thân, lá, rễ, hoa), tinh chất Cynarin (hòa tan, viên sủi, nang mềm), thuốc (phòng, chữa bệnh/Cynaphetol, Bomegan, Alcofree...) và xác lập thị phần, thói quen, tập quán cho đối tượng tiêu dùng trong và ngoài nước. Có thể xác lập hạt nhân để phát triển chuỗi thương hiệu bán sỉ, lẻ, siêu thị, các tour du lịch liên kết về famtrip, nhà máy, nhà vườn (Đà Lạt, Sa Pa, kết nối Pháp, Peru, Canada, Úc, Thụy Sĩ, Ý, Lebanon, Brazil...).

*(Xem tiếp trang 23)*

(\*) PoPs: Points of parity; PoDs: Points of differences (điểm giống và khác nhau với trên 30 cơ sở chế biến, kinh doanh Actisô trong và ngoài tỉnh)



## LÂM ĐỒNG - CHAMPASAK: XA MÀ GẦN

**DIỆP QUỲNH**

Lâm Đồng, tỉnh cao nguyên của Việt Nam, có vị trí địa lý khá xa xôi so với nước bạn Lào, lên tới con số hàng ngàn km. Nhưng khoảng cách địa lý không làm xa các tấm lòng giữa những người đồng chí, những người bạn. Nếu ai đã từng tới thăm Lâm Đồng sẽ tìm thấy một nét rất Đà Lạt giữa Champasak. Đó là giữa thông, mây, sương cùng với những điều kiện thiên nhiên ban tặng cho Paksong - một huyện của Champasak, là những lớp nhà kính duyên dáng mọc lên ôm ấp trong lòng những giống rau, hoa ôn đới. Đây là kết quả đẹp của sự hợp tác giữa ngành nông nghiệp Lâm Đồng và ngành nông nghiệp Champasak.

Xác định giúp đỡ bạn dựa trên những điều kiện tốt nhất của cả bạn và mình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng đã tìm thấy Paksong - một cao nguyên của Champasak, nơi có những điều kiện gần giống với Đà Lạt để trồng rau, hoa công nghệ cao. Paksong mặc dù có điều kiện tự nhiên thuận lợi nhưng bà con nơi đây chưa quen với việc canh tác trong nhà kính. Một vài nhà đầu tư nước ngoài trước đây đã từng lập nhà kính trồng rau, hoa nơi đây nhưng bà con chưa được làm quen với công nghệ mới vì nhà đầu tư giữ "bí quyết" khá chặt chẽ. Cho tới khi các kỹ sư Lâm Đồng đến, những nếp nhà kính được hình thành ngay trong vườn nhà bà con. Các kỹ sư cùng ăn, ở, chia sẻ với bà con kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác, cùng chăm sóc cho cây rau, hoa lớn lên từng ngày. Anh Hồ Tấn Mỹ, Phó giám đốc Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp Lâm Đồng, người trực tiếp "ba cùng" với bà con Paksong kể lại: "*Ở Paksong khá thuận lợi trồng rau, hoa nhưng bà con chưa làm quen với nông nghiệp hiện đại, chỉ quanh quẩn trồng bầu, bí và vài loại rau địa phương. Khi được hướng dẫn kỹ thuật, bà con làm quen rất nhanh. Trong những lớp nhà kính, màu xanh của xà lách, cải ngọt, súp lơ... vươn lên ầm ập. Không những thế, cả cúc, cẩm chướng, lily cũng đua nhau khoe sắc. Rau ôn đới và hoa từ Paksong đã được đưa tới cung cấp cho nhân dân thủ đô Viên Chăn thay vì phải nhập khẩu*".

Rau xanh chỉ là một trong số những cây trồng thế mạnh mà nông nghiệp Lâm Đồng mang tới Paksong. Các loại cá nước lạnh, cá tầm, cá hồi vân - một trong những loại cá khó nuôi có giá trị cao cũng theo chân cán bộ kỹ thuật Lâm Đồng đến với nông dân Lào. Theo đánh giá, Paksong có những dòng suối và mặt nước đạt chuẩn với độ sạch, nhiệt độ thấp và nhất là không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của con người. Trên 100 ha mặt nước đã được thả hàng ngàn con cá giống đang phát triển. Tuy chưa đến vụ



Mô hình hoa cúc cắt cành trong nhà kính Paksong

thu hoạch nhưng theo đánh giá, triển vọng cá nước lạnh ở Paksong là rất khả quan và trong tương lai có thể nhân rộng.

Ông Nguyễn Văn Sơn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng cho biết: "*Mục tiêu của chúng tôi là giúp bạn không chỉ biết trồng rau, hoa, nuôi cá mà còn nắm vững cả quy trình một cách trọn vẹn, có thể tự lập trong sản xuất. Bởi vậy, chúng tôi đã giúp bạn xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây trồng và đào tạo kỹ sư, cán bộ nông nghiệp, để trong tương lai bạn có thể tự xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại*". Trung tâm sản xuất giống cây trồng được xây dựng song song với việc đưa cán bộ kỹ thuật của Lào sang Việt Nam học chuyên ngành nông nghiệp tại những trường đại học lớn, giúp họ nắm được những quy trình sản xuất tốt nhất, hiện đại nhất của Việt Nam. Với việc đào tạo nguồn cán bộ kỹ thuật đủ trình độ, cùng với Trung tâm có thể tự sản xuất cây giống nhằm chủ động trong sản xuất, trong tương lai, Paksong sẽ đủ điều kiện trở thành nơi cung cấp rau, hoa ôn đới cho Lào cũng như xuất khẩu sang các nước lân cận. Hiện Trung tâm sản xuất giống cây trồng tại Paksong đã cung cấp hàng triệu cây giống mỗi năm, không chỉ có rau, hoa mà cả những cây lâm nghiệp như phượng tím, mai anh đào... cũng được "xuất xưởng" với chất lượng bảo đảm.

Hợp tác nông nghiệp Lâm Đồng - Champasak đang mang lại rất nhiều lợi ích cho người dân. Ông Soubin Chanthaphim, Chủ tịch Mặt trận Lào Xây dựng Đất nước tỉnh Champasak chia sẻ, huyện Paksong rất cảm ơn cán bộ kỹ thuật Lâm Đồng đã giúp bà con làm nhà kính, hướng dẫn kỹ thuật trồng rau, hoa và ông hy vọng mỗi giao lưu, hợp tác giữa hai địa phương sẽ tiếp tục phát triển, góp phần tươi xanh mãi cây hữu nghị truyền thống giữa hai dân tộc Việt - Lào. ■





## LÂM ĐỒNG - ĐÔNG FLANDERS

# HAI XỨ SỞ RAU - HOA VÀ TÌNH HỮU NGHỊ

**BẢO LINH**

Năm 2017 là năm kỷ niệm 40 năm ngày hai đất nước Việt Nam - Vương quốc Bỉ thành lập quan hệ ngoại giao với một chiều dài lịch sử đầy hữu hảo. Và, ở hai vùng đất sản xuất nông nghiệp lớn của hai quốc gia: Lâm Đồng - Việt Nam và Đông Flanders - Bỉ cũng cho thấy một chương mới của sự hợp tác đầy hiệu quả, là nơi hai vùng rau, hoa gặp gỡ.

### Nông dân Đà Lạt canh tác hiện đại

Xưa nay, nông dân Đà Lạt thường trồng dâu tây ngoài trời hoặc tiên tiến hơn là trồng trong nhà kính kín. Nhưng hiện tại, bà con đang làm quen dần với phương pháp canh tác mới, đó là trồng dâu trong nhà kính hở bán thủy canh. Giữa những mái kính không che phủ hết diện tích đất, những luống dâu xanh tươi đang cho hoa, kết trái. Theo các chuyên gia nông nghiệp đánh giá, trồng dâu tây trong nhà kính hở có lợi thế là sâu, bệnh giảm hẳn so với trồng trong nhà kính, đặc biệt là giảm bọ trĩ đỏ - loài sinh vật gây hại lớn trên cây dâu. Trồng dâu trong nhà kính hở không những làm giảm tác động của canh tác nông nghiệp đến môi trường, giảm hiệu ứng nhà kính mà còn góp phần hạn chế lụt cục bộ do diện tích đất hấp thụ nước mưa nhiều hơn so với nhà kính kín. Và đây chính là một trong những kết quả của mối hợp tác giữa ngành nông nghiệp Đông Flanders, Vương quốc Bỉ với Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa Đà Lạt mà nhiều nông dân đã được thụ hưởng qua việc chuyển giao khoa học kỹ thuật.

Không chỉ riêng cây dâu tây, các cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa Đà Lạt còn được tiếp cận với kỹ thuật canh tác hoa cúc theo hướng hiện đại với sự hướng dẫn của các chuyên gia nông nghiệp đến từ Đông Flanders. Hiện tại, Đông Flanders đang xây dựng cánh đồng canh tác thử nghiệm trên cây cà chua bi - một cây trồng quan trọng của vùng rau thương phẩm Lâm Đồng. Không chỉ dừng lại ở những cây rau truyền thống, nhiều cây trồng, vật nuôi đã được các chuyên gia nông nghiệp Đông Flanders tư vấn như cải tạo giống bò thịt truyền thống lai với bò lang xanh cao sản Bỉ, nâng cao chất lượng cây ca cao vùng Nam Lâm Đồng,... Những chuyên gia kỹ thuật của Đông



Trồng dâu tây trong nhà kính hở tại Trung tâm Khoai tây, Rau và Hoa Đà Lạt

Flanders đã tới cùng nghiên cứu, chia sẻ những hiểu biết và nhìn nhận lại những kiến thức này sinh từ thực tế nông nghiệp của vùng đất khác biệt so với Đông Flanders với cán bộ kỹ thuật và nông dân Lâm Đồng. Ông Nguyễn Thế Nhuận, Giám đốc Trung tâm Khoai tây, Rau và Hoa Đà Lạt chia sẻ, đội ngũ cán bộ kỹ thuật đã học hỏi được rất nhiều từ sự hướng dẫn trực tiếp của các chuyên gia nông nghiệp Bỉ cũng như qua những chuyến thực tế trên đồng ruộng của tại hai quốc gia.

Không chỉ chuyển giao khoa học kỹ thuật, nhiều công ty của Đông Flanders đã tìm thấy cơ hội hợp tác tại Lâm Đồng. Giám đốc Công ty Denis Plants (Vương quốc Bỉ), ông René Denis đã chia sẻ về chương trình hợp tác sản xuất hoa giống cấy mô với Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Rừng hoa Đà Lạt nhằm cung cấp cây giống xuất khẩu sang Bỉ và các nước khác. Hiện tại, với dây chuyền nuôi cấy mô hiện đại, được giám sát chặt chẽ từ Công ty Denis Plants, mỗi năm Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Rừng hoa Đà Lạt xuất sang Bỉ hàng triệu cây giống cấy mô các loại. Ngoài ra, cũng với dây chuyền





Đoàn công tác tỉnh Lâm Đồng và lãnh đạo Đông Flanders trong chương trình làm việc tại Đông Flanders



Một số hoạt động của đại diện Đông Flanders tại Lâm Đồng

này, Công ty đã sản xuất cây giống thủy sinh, cây giống tre, ... xuất sang các quốc gia lân cận với con số hàng triệu đơn vị/năm. Ông René Denis đánh giá Lâm Đồng là tỉnh đang sở hữu nhiều bí quyết sản xuất các loại hoa chất lượng cao, đồng thời tiếp tục khẳng định khả năng mở rộng hợp tác với Lâm Đồng.

### Hai vùng đất gặp gỡ

Đông Flanders, tỉnh nằm trong khu vực nói tiếng Hà Lan của Vương quốc Bỉ là một trong những địa phương nổi tiếng thế giới về sản xuất nông nghiệp. Đông Flanders cung cấp hoa trái, rau xanh và những con bò đặc sản ăn ít nhưng lớn nhanh với lượng nạc đáng kể cho khắp châu Âu. Với mục đích vừa thực hiện nghĩa vụ quốc tế, vừa tìm kiếm những đối tác cùng hợp tác phát triển, Đông Flanders đã chọn những địa phương trên thế giới có cùng thể mạnh, trong đó có địa phương Lâm Đồng. Đông Flanders, với hàng trăm năm kinh nghiệm và ứng dụng tiến bộ khoa học, sẽ tập trung vào việc chuyển giao kiến thức, bí quyết công nghệ nhằm mang lại những kết quả tích cực cho con người, môi trường và lợi nhuận cho Lâm Đồng. Điều này cũng mở ra cơ hội cho những công ty, viện nghiên cứu và trung tâm tri thức của Đông Flanders đang tìm kiếm cơ hội hợp tác.

Trên 15 năm hình thành mối quan hệ hợp tác, nhiều hoạt động đã mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai phía. Hai bên đã có nhiều mối quan hệ hợp tác, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với những kết quả khá quan trọng. Và nhiều tài trợ của Đông Flanders đã tới với nông dân Lâm Đồng, góp phần giúp Lâm Đồng hình thành dần ý thức canh tác nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Ông Geert Versnick, Phó Thống đốc Đông Flanders phụ trách kinh tế và đối ngoại đánh giá cao tiềm năng và triển vọng hợp tác giữa hai địa phương. Ông khẳng định: *“Lâm Đồng là mối quan tâm lâu dài của chúng tôi, chúng tôi hợp tác với các bạn với mục tiêu cả hai bên cùng có lợi. Suốt hàng chục năm qua, chính quyền Đông Flanders đã hợp tác với chính quyền Lâm Đồng và hôm nay, tôi tái khẳng định Đông Flanders sẽ tiếp tục hợp tác lâu dài với Lâm Đồng”*. Ông Đoàn Văn Việt, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đánh giá cao các chương trình, dự án hỗ trợ nông nghiệp phát triển do chính quyền tỉnh Đông Flanders thực hiện tại Lâm Đồng và mong muốn hai bên tiếp tục chia sẻ những quan tâm chung, tìm tiếng nói chung và hỗ trợ Lâm Đồng xây dựng thành phố thông minh cũng như một nền nông nghiệp bền vững.

40 năm hai quốc gia Việt Nam - Vương quốc Bỉ tạo lập quan hệ hợp tác, trên 15 năm mối quan hệ gắn bó Lâm Đồng - Đông Flanders, bà Jehanne Roccas, Đại sứ Vương quốc Bỉ tại Việt Nam cho biết, sự hợp tác Lâm Đồng - Đông Flanders được đánh giá là mối quan hệ cấp địa phương mẫu mực, góp phần rất lớn tạo nên quan hệ thân thiết Việt - Bỉ. Bà hy vọng trong tương lai, nhiều doanh nghiệp Bỉ tìm thấy những cơ hội hợp tác tốt tại Việt Nam cũng như tại Lâm Đồng, góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa 2 quốc gia.

Ở hai châu lục khác nhau, khoảng cách giữa hai địa phương là sự chênh lệch nhiều múi giờ và hàng ngàn dặm xa. Nhưng sự gắn gũi trong thể mạnh chung, trong sự sẻ chia đã giúp Lâm Đồng - Đông Flanders tiếp tục gắn bó, phát triển trong một tương lai chung thịnh vượng. ■



## NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CHO NHIỆM VỤ KH&CN VÀ MỘT SỐ GỢI Ý KHI THANH TRA CÁC NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Tiếp theo và hết)

**NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ**

Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ

### Quy định về Quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước

Đối với lĩnh vực KH&CN, yêu cầu quản lý tài sản được đầu tư, trang bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN cũng như kết quả được tạo ra trong quá trình thực hiện có tính đặc thù. Hiện nay, việc quản lý và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ ngân sách nhà nước (NSNN) chưa được thực hiện thống nhất, thậm chí có nơi, có chương trình, dự án chưa được triển khai thực hiện. Vì vậy, việc ban hành hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN là thật sự cần thiết.

Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKH&CN-BTC Quy định về Quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước nhấn mạnh một số điểm mới như sau:

*Thứ nhất*, đối với tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, Thông tư quy định thêm một số hình thức xử lý tài sản có tính chất đặc thù như: (i) Ưu tiên bán trực tiếp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN do các tài sản được trang bị cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN gắn với việc phát huy kết quả nghiên cứu, mô hình ứng dụng KH&CN và thường chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số kinh phí thực hiện (phần còn lại do doanh nghiệp tự bỏ kinh phí). Vì vậy, nếu bán trực tiếp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đó sẽ phát huy tốt hơn công năng sử dụng, giảm chi phí và thời gian xử lý tài sản; (ii) Nhà nước chuyển giao không bồi hoàn tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN liên kết quy định tại Điều 32 Luật KH&CN và khoản 3 Điều 38 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN. Lý do: tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ghi rõ: “*Nhiệm vụ KH&CN liên kết đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này được Nhà nước hỗ trợ không thu hồi vốn đầu tư cho các dự án đối với các nội dung liên quan đến hoạt động KH&CN của dự án*”.



*Thứ hai*, đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, Thông tư quy định sau khi được đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ mức “Đạt” trở lên, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm kiểm kê kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước để thực hiện bàn giao. Đối với tài sản của nhiệm vụ KH&CN liên kết được quy định tại Điều 32 Luật KH&CN và Điều 38 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ thuộc sở hữu của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Về hình thức xử lý: Thông tư quy định riêng cho 2 nhóm kết quả nghiên cứu: (i) Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN dưới dạng tài sản vô hình (kết quả nghiên cứu), việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho đối tượng thụ hưởng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ KH&CN tại Thông tư số 15/2014/TT-BKH&CN ngày 13/6/2014 quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN. (ii) Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN không thuộc phạm vi trên, Thông tư quy định hình thức xử lý tài sản gồm: (1) Nhà nước giao tài sản cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; (2) Bán tài sản; (3) Điều chuyển tài sản.

Thực trạng công tác quản lý và sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì trước đây gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, thậm chí xảy ra tình trạng lãng phí, sử dụng tùy





tiện tài sản do chưa có cơ chế, quy định quản lý chặt chẽ và hướng dẫn chi tiết cụ thể; từ đó khiến công tác thanh tra đôi khi chỉ dừng lại ở việc nhắc nhở tổ chức chủ trì và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm bảo quản tài sản, báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để có phương án xử lý, giải quyết. Với việc quy định chi tiết về nguyên tắc, hình thức, thẩm quyền và trình tự xử lý các loại tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thì vai trò của thanh tra nên xem xét việc thực hiện đúng trách nhiệm, đúng thẩm quyền của tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý; việc thực hiện đúng các quy định tại Thông tư trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản.

Đối với việc trang bị tài sản nên xem xét: (1) Phê duyệt trang bị tài sản có phù hợp với nội dung thực hiện nhiệm vụ không, có phản ánh đúng thực trạng về tình hình tài sản hiện có của tổ chức chủ trì không?; (2) Tài sản có được sử dụng đúng mục đích không? (3) Tài sản có được hạch toán, theo dõi, tính hao mòn và báo cáo đúng quy định hay không? (Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng NSNN); (4) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản có hợp lý không?

Trong quá trình xử lý tài sản, công tác thanh tra nên chú ý đến hình thức xử lý như: Xem xét việc bán hoặc thanh lý tài sản có đảm bảo đúng quy định không? Tài sản có đáp ứng yêu cầu về thanh lý không? (thể hiện ở Biên bản đánh giá tài sản, sổ sách tính hao mòn tài sản); Thủ tục thanh lý đầy đủ, đúng trình tự không? Xem xét yếu tố giá của tài sản (việc thành lập Hội đồng định giá hoặc thuê tổ chức thẩm định giá có đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, năng lực không, giá được thẩm định có sát với giá trị trường của tài sản cùng loại, cùng tiêu chuẩn kỹ thuật không); Nộp tiền bán tài sản có đảm bảo theo quy định không?...

Về trình tự xử lý tài sản, Thông tư quy định chi tiết các bước xử lý, theo đó công tác thanh tra cũng nên chú ý đến vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền của tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý nhiệm vụ đối với tài sản như: Tổ chức chủ trì có bảo quản tài sản và hồ sơ tài sản theo quy định khi nhiệm vụ kết thúc không (vẫn thực hiện mở sổ theo dõi tài sản), có thực hiện việc kiểm kê tài sản và đề xuất phương án xử lý đúng thời hạn không?; đơn vị quản lý nhiệm vụ có thực hiện đúng trách nhiệm tổng hợp, lập phương án xử lý tài sản kịp thời theo quy định không? Từ đó qua thanh tra có thể thấy được những khó khăn, vướng mắc (về thời gian, thủ tục, những phát sinh) mà tổ chức chủ trì gặp phải trong quá trình thực hiện trình tự xử lý. Đây cũng là 1 kênh tham khảo để đánh giá yếu tố lỗi mà tổ chức chủ trì gặp phải (do khách quan, chủ quan).

Như vậy, Thông tư 16 quy định khá rõ ràng và chi tiết về quản lý, xử lý tài sản, giúp tổ chức chủ trì nhiệm vụ dễ dàng thực hiện; giúp cơ quan quản lý nhà nước quản lý tài sản chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, mặc dù có hiệu lực thực hiện trong thời gian ngắn nhưng hoạt động thanh tra cũng đã gặp phải một số vướng mắc: đối với nhiệm vụ KH&CN được NSNN hỗ trợ một phần thì việc thống nhất phương án xử lý tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN còn gây nhiều tranh cãi giữa các đồng chủ sở hữu, vì trên thực tế việc thống nhất này là rất khó khăn và không hiệu quả. Nhiều ý kiến cho rằng nhà nước nên giao (cho) toàn bộ tài sản đó cho tổ chức chủ trì để phát huy hiệu quả sử dụng. Hoặc khó khăn về việc quy định cụ thể, chi tiết về hình thức xử lý đối với tài sản vô hình là kết quả của nhiệm vụ KH&CN mà NSNN đóng góp một phần khi chưa có quy định.

Với thực trạng trên, vai trò của công tác thanh tra lại càng được chú trọng trong việc phản ánh đúng thực trạng để đưa ra các kiến nghị, đề xuất hay biện pháp xử lý giúp tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình.

### Kết luận

Có thể nói, các văn bản được ban hành thể hiện những nét đột phá trong cơ chế quản lý tài chính các nhiệm vụ KH&CN, khắc phục những tồn tại, vướng mắc, cản trở hoạt động nghiên cứu khoa học thời gian qua. Với ý nghĩa là một khâu trong chu trình quản lý KH&CN, song hành cùng công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN thì hoạt động thanh tra cũng nên có những cách tiếp cận mới cho phù hợp.

Thanh tra nhiệm vụ KH&CN là hoạt động có tính đặc thù về đối tượng (những nhà khoa học, tổ chức KH&CN (tổ chức, cá nhân có tri thức bậc cao)); về nội dung (phần chuyên môn thường có tính chuyên ngành sâu). Do vậy, kết quả thanh tra cũng cần có tính đặc thù: vừa đảm bảo pháp luật được thực hiện nghiêm túc nhưng KH&CN cũng phải được tôn trọng và tạo điều kiện phát triển; mặt tích cực của cơ chế quản lý KH&CN phải được phát huy, nhân rộng và mặt tiêu cực, hạn chế phải được kiểm soát, tránh bị lợi dụng.

Đầu tư từ NSNN cho nghiên cứu ngày càng lớn với kỳ vọng KH&CN thực sự là động lực của phát triển. Thanh tra là “nhìn sâu vào bên trong” để hiểu được, đánh giá đúng bản chất sự vật, hiện tượng. Vì thế, khi xem xét, đánh giá việc quản lý, sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN trong công tác thanh tra nhiệm vụ KH&CN cũng là góp phần trả lời câu hỏi về hiệu quả đầu tư cho nghiên cứu khoa học, trả lại cho khoa học tính khách quan, trung thực, chính xác, qua đó tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN. ■





## 10 năm THI HÀNH LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Phòng Quản lý công nghệ và chuyên ngành  
Sở Khoa học và Công nghệ

**T**rong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, tài sản trí tuệ đang dần trở thành công cụ quan trọng góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội; là nhân tố quyết định sự gia tăng giá trị của một sản phẩm, dịch vụ cũng như giá trị của doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế quốc gia. Hầu hết các nước trên thế giới đã ban hành những quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), qua đó đã góp phần bảo vệ quyền tác giả, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghệ...; thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo và là động lực đẩy nhanh quá trình thương mại hóa các đối tượng SHTT.

Tại Việt Nam, hoạt động bảo hộ SHTT đã bắt đầu triển khai từ năm 1986 thông qua việc ban hành Nghị quyết số 142/CP của Chính phủ (văn bản riêng biệt đầu tiên để điều chỉnh các quan hệ xã hội về quyền tác giả). Tuy nhiên, trong những năm 80, hoạt động này vẫn còn nhiều hạn chế và chưa phát triển mạnh. Năm 1995, hoạt động bảo hộ SHTT bắt đầu tiến triển hơn sau khi Quốc hội ban hành Bộ luật Dân sự. Đặc biệt, năm 2005, trong bối cảnh Việt Nam đàm phán gia nhập vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Luật SHTT được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT - Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009) đã tập hợp, kế thừa và sửa đổi, bổ sung, hệ thống hóa, nâng cao tính pháp lý của những quy định về SHTT nhằm tạo ra một hệ thống pháp luật SHTT thống nhất, đầy đủ, hiệu quả ở Việt Nam.

### 10 năm thi hành Luật SHTT tại Lâm Đồng

Qua 10 năm thi hành Luật SHTT trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Luật SHTT đã phát huy vai trò to lớn trong việc tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức, cá nhân xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần khuyến khích hoạt động sáng tạo, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với vai trò là cơ quan tham mưu UBND tỉnh về lĩnh vực SHTT, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương dần đưa SHTT vào đời sống và đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ.

*Thứ nhất, công tác tuyên truyền, thông tin về SHTT*

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ luôn chú trọng và duy trì đều đặn công tác đào tạo, tập huấn,

tuyên truyền phổ biến pháp luật SHTT. Từ năm 2005 đến nay, Sở đã tổ chức 15 lớp tập huấn về SHTT cho cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước, các trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp trong tỉnh; tuyên truyền, phổ biến kiến thức SHTT trên Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng, Báo Lâm Đồng; thường xuyên cập nhật các thông tin về SHTT trên website <http://lamdongdost.gov.vn> và các ấn phẩm thông tin do Sở Khoa học và Công nghệ phát hành; tuyên truyền tổ chức Ngày SHTT thế giới 26/4 hàng năm... Bên cạnh đó, các cấp, ngành liên quan hàng năm cũng đã tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến thông tin về SHTT đến mọi tầng lớp nhân dân. Các hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của SHTT trong thời kỳ hội nhập; giúp đội ngũ cán bộ thực thi về SHTT của các sở, ban, ngành, địa phương nắm được những nội dung trọng tâm để phối hợp với các cơ quan chuyên môn xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn.

*Thứ hai, về xác lập quyền SHTT*

Hoạt động hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) được thực hiện thường xuyên và đạt được những kết quả nhất định. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn cho khoảng 50 tổ chức, cá nhân xác lập quyền SHCN. Các doanh nghiệp của tỉnh ngày càng nhận thức rõ về vai trò SHTT và bảo hộ quyền SHCN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, việc hỗ trợ xác lập quyền SHCN chỉ tập trung ở nhóm đối tượng chủ yếu về nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho các nhóm sản phẩm trà, cà phê, rượu, dịch vụ ăn uống, khách sạn...

*Thứ ba, về thực thi quyền SHTT*

Việc thực thi quyền SHTT có vai trò quan trọng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu; quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng và xã hội. Từ khi Luật SHTT có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2006 đến nay), công tác thanh, kiểm tra được các cơ quan thực thi quyền SHTT của tỉnh triển khai hàng năm. Qua đó đã phát hiện và xử lý đúng quy định đối với các hành vi xâm phạm về SHTT, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh và thu hút các nguồn đầu tư vào hoạt động sáng tạo.

**Một số tồn tại, hạn chế**

Hệ thống tổ chức quản lý về SHTT trên địa bàn tỉnh vẫn chưa đồng bộ, chưa có bộ phận chuyên



trách thuộc các sở có chức năng quản lý tương ứng, nhân sự ít và kiêm nhiệm nên hiệu quả chưa cao. Hầu hết các ngành, địa phương thiếu trầm trọng nguồn nhân lực cho công tác quản lý SHTT (các ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; văn hóa, thể thao và du lịch không có cán bộ chuyên trách SHTT). Bên cạnh đó, một số cán bộ công tác tại cơ quan bảo vệ pháp luật còn thiếu kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực SHTT nên còn lúng túng khi giải quyết vụ việc.

Một số văn bản hướng dẫn dưới Luật chậm được ban hành, như năm 2010 mới ban hành Nghị định số 97/2010/NĐ-CP về xử lý hành vi xâm phạm trong lĩnh vực SHCN, hiện nay được thay thế bởi Nghị định số 99/2013/NĐ-CP; năm 2016 mới ban hành Thông tư số 05/2016/TTLT-BKHCN-BKHĐT và Thông tư số 14/2016/TTLT-BTTTT-BKHCN về xử lý xâm phạm liên quan đến tên thương mại và tên miền.

Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa quan tâm đúng mức đến việc đăng ký xác lập quyền SHCN cho đơn vị và chỉ tiến hành đăng ký khi có dấu hiệu vi phạm. Các đối tượng khác như sáng chế, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại... vẫn còn rất ít.

Các điều kiện bảo hộ đối tượng SHTT, quyền đăng ký các đối tượng SHTT, thủ tục đăng ký xác lập quyền SHTT... được quy định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế về SHTT. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần xem xét như:

- Việc xác định nhãn hiệu nổi tiếng còn quy định chung chung, không rõ ràng, không định lượng được nên khó xác định thế nào là nhãn hiệu nổi tiếng;

- Tiêu chí “Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn” vẫn chưa được cụ thể hóa, gây khó khăn khi xem xét nội dung nhãn hiệu.

Thời hạn xử lý đơn đăng ký xác lập quyền SHTT của Cục SHTT trên thực tế còn quá chậm, có đơn kéo dài 2-3 năm. Nhiều trường hợp doanh nghiệp không có thông tin về tình trạng đơn đăng ký xác lập quyền SHTT có được chấp nhận hoặc bị từ chối ở khâu thẩm định nội dung, gây ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

Trong quá trình thực thi pháp luật SHTT, việc giải quyết các tranh chấp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền SHCN còn chậm do Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-KHCN-BKHĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới có hiệu lực thi hành từ ngày 20/5/2016. Việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền hiện nay được áp dụng bằng biện pháp hành chính, chủ yếu là phạt tiền, đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh có thời hạn, buộc loại bỏ các yếu tố vi phạm hoặc tiêu hủy hàng hóa, phương tiện kinh doanh vi phạm.

Tuy nhiên, điều này vẫn chưa giải quyết toàn diện vì phán quyết của Tòa án mới mang tính thực thi cao hơn. Ngoài ra, mức xử lý hành chính còn nhẹ, chưa có tính răn đe. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong việc phòng, chống và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến SHTT còn hạn chế, thông tin phối hợp chưa kịp thời nên hiệu quả đạt được chưa cao. Công tác thanh, kiểm tra, phối hợp xử lý xâm phạm quyền SHTT giữa các cơ quan thực thi còn ở mức độ đơn lẻ, theo vụ việc.

### Các giải pháp đẩy mạnh hoạt động SHTT

#### Hoàn thiện thể chế

Các quy định liên quan đến SHTT của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hải quan, Luật Cảnh tranh, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự... và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật trên cần bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ với quy định của Luật SHTT; đảm bảo sự tương thích giữa các quy định SHTT của Việt Nam và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định song phương, đa phương khác mà nước ta đã ký kết, các quy định về quyền SHTT phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Cần ban hành một số chính sách nhằm tạo thuận lợi về mặt pháp lý cho các địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh như hỗ trợ xác lập quyền trong và ngoài nước, áp dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích, chính sách đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ phát triển các tổ chức dịch vụ SHTT...

#### Nâng cao hiệu quả công tác thực thi quyền SHTT

Hỗ trợ đào tạo chuyên sâu về công tác thực thi quyền SHTT cho cán bộ làm công tác SHTT tại các địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp thực thi quyền SHTT giữa các cơ quan địa phương, đặc biệt chú trọng đề cao vai trò của Tòa án.

#### Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về SHTT

Hiện nay, tình trạng tồn đọng đơn đăng ký SHCN với số lượng lớn và kéo dài, do đó, có thể áp dụng cơ chế xã hội hóa hoạt động này và cho phép Cục SHTT sử dụng nguồn lực bên ngoài đối với một số công đoạn trong quá trình xác lập quyền như điện tử hóa dữ liệu, đánh máy, tra cứu thông tin, xét nghiệm hình thức...

#### Nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ quản lý SHTT tại các địa phương

Cập nhật thông tin nhanh chóng, kịp thời về tình hình bảo hộ SHCN của các địa phương trên website Cục SHTT.

Ban hành hoặc hướng dẫn xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ các địa phương như kinh phí đăng ký bảo hộ SHTT trong và ngoài nước, làm cơ sở hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển. ■





## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN BỨC XẠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

**ThS. NGUYỄN BÁ PHONG, PHAN ĐÌNH HỒNG**

*Sở Khoa học và Công nghệ*

Ngày nay, công nghệ bức xạ và hạt nhân trở thành một trong những công cụ phổ biến để nâng cao năng suất lao động và phục vụ mọi lĩnh vực của đời sống. Trong xu thế đó, việc ứng dụng công nghệ bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cũng đã được quan tâm đẩy mạnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

### Quản lý nhà nước về an toàn bức xạ

Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh đã đi vào nề nếp và đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật. Trong năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017, Sở đã hướng dẫn cho trên 30 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; cấp mới, gia hạn giấy phép chứng chỉ nhân viên bức xạ theo Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 27/10/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ cho 9 cơ sở. Hoạt động phổ biến kiến thức về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ luôn được quan tâm thông qua việc tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các chuyên viên phụ trách trong lĩnh vực này thường xuyên được cử tham gia tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý nhà nước do Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Viện Nghiên cứu hạt nhân, Trường Quản lý khoa học và công nghệ... tổ chức.

Hoạt động thanh, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh được tiến hành thường xuyên, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an toàn bức xạ. Năm 2016, Sở đã phối hợp với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố tiến hành thanh, kiểm tra công việc bức xạ của 41 cơ sở trên địa bàn. Thông qua việc thanh, kiểm tra đã góp phần nâng cao ý thức của các cơ sở trong công tác bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân. Hầu hết các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế đều chấp hành đúng quy định pháp luật về đảm bảo an

Đến tháng 6 năm 2017, toàn tỉnh có 63 cơ sở hoạt động ứng dụng năng lượng nguyên tử, trong đó, lĩnh vực y tế có 57 cơ sở với 88 thiết bị X-quang; lĩnh vực công nghiệp, đào tạo, nghiên cứu có 06 cơ sở (Viện Nghiên cứu hạt nhân, Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Cảng hàng không Liên Khương, Công ty Nhôm Lâm Đồng, Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Bích Vân) với hơn 1.000 nguồn phóng xạ.

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở cho 57 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.

toàn bức xạ; 100% cơ sở sử dụng giấy phép còn hiệu lực và lưu trữ hồ sơ đúng quy định; người phụ trách an toàn bức xạ, nhân viên tại các cơ sở đều được đào tạo, tập huấn cơ bản về an toàn bức xạ trong y tế, trang bị liềm kế cá nhân nằm trong phạm vi giới hạn cho phép và được khám, lưu hồ sơ sức khỏe định kỳ. Việc kiểm tra suất liều chiếu xạ quanh khu chụp X-quang đều nằm trong giới hạn cho phép. Các cơ sở đều xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở, tiến hành che chắn tia bức xạ tốt; trang bị nội quy, quy trình vận hành, đèn, biển báo đúng quy định.

### Chuẩn bị ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

Việc chuẩn bị ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân được thực hiện theo quy trình ban hành tại Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 07/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Sau khi được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn theo Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến nay, đã tổ chức Hội nghị Ban chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân tỉnh; tổ chức 02 lớp tập huấn về ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cho đối tượng là cán bộ quản lý, người phụ trách an toàn bức xạ, nhân viên bức xạ tại các đơn vị tiến hành công việc bức xạ, thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ huy; tổ chức kiểm kê các nguồn phóng xạ và bức xạ tại các cơ



Diễn tập ứng phó sự cố hạt nhân cấp cơ sở tại Công ty TNHH MTV Nham Lâm Đồng

sở đang sử dụng nguồn phóng xạ trên địa bàn; tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ cũng như người dân trong việc bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân trên Đài Phát thanh Truyền hình Lâm Đồng.

### Quản lý phóng xạ môi trường và chất thải phóng xạ

Triển khai Quyết định số 1636/QĐ-TTg ngày 31/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia đến năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ đã đề xuất kế hoạch xây dựng “Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường” dự kiến đặt tại thành phố Bảo Lộc nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn, phòng ngừa và kịp thời ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh.

Việc lưu giữ các nguồn bức xạ và phóng xạ hết hạn sử dụng được thực hiện nghiêm theo quy định pháp luật. Các nguồn phóng xạ này hiện lưu giữ tại Nhà 5 của Viện Nghiên cứu hạt nhân và được Cục An toàn bức xạ và hạt nhân cấp phép theo quy định.

### Những khó khăn, vướng mắc

Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thời gian qua tuy đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc:

*Thứ nhất*, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT (Thông tư 13) quy định kích thước và diện tích phòng X-quang chưa phù hợp với thực tế. Một số cơ sở hiện tại đã được cấp giấy phép với kích thước phòng đặt máy X-quang theo quy định cũ nhỏ hơn so với quy định mới tại Thông tư 13. Tuy nhiên, nếu áp dụng tiêu chuẩn mới không cho phép các cơ sở



Diễn tập ứng phó sự cố phóng xạ tại Viện Nghiên cứu hạt nhân

này tiếp tục hoạt động sẽ gây khó khăn cho cơ sở do đã đầu tư một khoản kinh phí không nhỏ cho việc bảo đảm an toàn bức xạ.

*Thứ hai*, đa số các cơ sở xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở vẫn chưa thể hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở và người phụ trách công việc bức xạ. Nhiều cá nhân liên quan đến công tác chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân vẫn chưa hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình khi sự cố xảy ra.

### Một số nhiệm vụ trọng tâm

Để phát huy hơn nữa công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng giúp người dân nâng cao nhận thức để tự bảo vệ trước nguy cơ nhiễm xạ; tăng cường giáo dục, đào tạo, phổ biến kiến thức pháp luật, chuyên môn và nghiệp vụ đối với những tổ chức có liên quan trong công tác quản lý an toàn bức xạ tại cơ sở, đặc biệt đối với người đứng đầu cơ sở, người phụ trách an toàn bức xạ, trưởng Ban chỉ huy ứng phó sự cố;

- Thường xuyên phối hợp với các sở, ngành tăng cường công tác thanh, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm để đảm bảo việc chấp hành Luật Năng lượng nguyên tử;

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2438/QĐ-UBND như: thực tập kết nối thông tin liên lạc giữa các tổ chức ứng phó; tổ chức diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh; mua sắm trang thiết bị để chuẩn bị ứng phó và ứng phó các sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng... ■





# DALAT

## KẾT TINH KỲ DIỆU TỪ ĐẤT LẠNH

### MẠC KHẢI

#### Miền đất của sản phẩm mục tiêu

Thống kê tổng diện tích rau Đà Lạt và các vùng phụ cận (gọi chung là rau Đà Lạt) đạt gần 55.000 ha, tổng sản lượng tiếm cận 2,5 triệu tấn/năm, chiếm 15% tổng sản lượng rau cả nước. Theo đánh giá của Tổ chức JICA tại Việt Nam, rau Đà Lạt có lợi thế so sánh đặc biệt nhờ điều kiện tự nhiên lý tưởng. Ước tính 80% sản lượng rau Đà Lạt hàng năm được đưa về khu vực chợ đầu mối và chợ bán lẻ, 13% tiêu thụ trong hệ thống siêu thị và 7% còn lại chế biến xuất khẩu... Hoa Đà Lạt và các vùng phụ cận (gọi chung là hoa Đà Lạt) với diện tích đạt hơn 7.000 ha, tổng sản lượng năm 2016 đạt khoảng 2,5 tỷ cành, chiếm 70% tổng sản lượng hoa cả nước.

Sản phẩm mục tiêu tiếp theo là cà phê Arabica phát triển ổn định với diện tích đạt khoảng 24.000-25.000 ha đến năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh. Nhờ lợi thế so sánh khá đặc biệt của khí hậu cao nguyên Đà Lạt và vùng phụ cận, người nông dân đã tăng cường đầu tư thâm canh theo chiều sâu và thu hoạch sản phẩm cà phê Arabica đạt chất lượng cao.

Sản phẩm mục tiêu thứ 4 là du lịch nông nghiệp với quy mô hiện tại 5,4 triệu du khách/năm. Khảo sát của JICA cho thấy: tỷ lệ khách tham quan gồm 60% cặp đôi đã kết hôn đến Đà Lạt lưu trú từ 2-3 ngày để trải nghiệm các hoạt động trồng trọt, chăm sóc và thu hoạch ở nông trại...; 40% số khách còn lại chủ yếu thường ngoạn cảnh quan sản xuất nông nghiệp, mua sắm đặc sản, chụp hình lưu niệm...

#### Mang điều kỳ diệu đến với mọi người

Dẫu vậy, khi nhìn tổng thể, tiềm năng của sản phẩm du lịch nông nghiệp Lâm Đồng vẫn chưa phát huy hiệu quả tương xứng. Qua thăm dò, điều không hài lòng nhất của khách du lịch nông nghiệp Đà Lạt (chiếm 33%) là không tiếp cận được thông tin quảng bá. Cụ thể, một nhà điều hành sản xuất hoa công nghệ cao ở Đà Lạt đã ý kiến: *“Chúng ta vẫn đang thiếu hướng dẫn viên chuyên nghiệp để cung cấp thông tin cho khách du lịch nông nghiệp Đà Lạt...”*

Trước đó, nhóm tư vấn của JICA đã phỏng vấn ngẫu nhiên 70 khách hàng mục tiêu là người tiêu dùng nữ tại nhiều kênh siêu thị tiêu thụ rau Đà Lạt, kết quả cho thấy, có 36% người được hỏi không biết dấu hiệu nhận biết sản phẩm rau Đà Lạt, trong khi đó chỉ 1% còn nghi ngờ về chất lượng không đảm bảo an toàn. Kết quả phỏng vấn hơn 130 khách hàng nữ thường xuyên đến mua hoa tại các cửa hàng hoa ở thành phố Hồ Chí Minh của JICA cho thấy có đến 58% số người trả lời không hài lòng về dấu hiệu nhận biết sản phẩm hoa Đà Lạt...

Với mục tiêu xây dựng thương hiệu, quảng bá nông sản, du lịch canh nông Lâm Đồng trở thành thương hiệu số 1 tại Việt Nam, chính quyền tỉnh Lâm Đồng đã thông qua ý

Lâm Đồng đang khởi động quảng bá và phát triển thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lạnh” đối với các sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông trên thị trường trong và ngoài nước. Từ đây người tiêu dùng dễ dàng tìm thấy điều kỳ diệu trong từng sản vật Đà Lạt khi nhìn, nếm, cảm nhận, hít thở không gian trong lành...



tưởng quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lạnh” do JICA tư vấn, đề xuất. Theo đó, sứ mệnh của thương hiệu này là mang những điều kỳ diệu của Đà Lạt đến với mọi khách hàng trong nước và quốc tế gồm những giá trị về di sản văn hóa, thiên nhiên, con người; những sản phẩm nông nghiệp được kiểm soát chất lượng an toàn, nâng cao sức cạnh tranh.

Và tầm nhìn của thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lạnh” tạo cơ hội cho người tiêu dùng được thưởng thức, cảm nhận đầy đủ điều kỳ diệu của những sản phẩm nông nghiệp tuyệt vời (rau, củ, quả; hoa; cà phê; du lịch canh nông) được nuôi dưỡng bởi người nông dân tận tâm, bởi thời tiết 4 mùa đặc biệt trong ngày cùng với phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp.

Để hiện thực hóa điều kỳ diệu từ đất lạnh Đà Lạt, trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh Lâm Đồng dự kiến tổng kinh phí 500.000 USD để tổ chức truyền thông quảng bá, quản lý thương hiệu và kiểm soát chất lượng sản phẩm nông nghiệp, nâng cao chất lượng thương hiệu du lịch canh nông trên địa bàn thành phố Đà Lạt và các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Lâm Hà.

Sở Công Thương Lâm Đồng là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, chính quyền thành phố Đà Lạt và các huyện trên cùng thống nhất cùng đề xuất thành lập Ban Quản lý thương hiệu.

Như vậy, thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lạnh” chính thức được khởi động. Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển, quảng bá thương hiệu, quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ; nhấn mạnh sự an toàn, chất lượng và chuyên nghiệp của sản phẩm, dịch vụ khi gắn thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lạnh” sẽ góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ, thu hút du lịch, nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, tăng sản lượng nông sản thương hiệu xuất khẩu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. ■



# SẦU RIÊNG ĐẠ HUOAI:

## Bước đầu xây dựng thương hiệu

TRINH CHU

Ông Trần Ngọc Liêm, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, cho rằng việc được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp nhãn hiệu Sầu riêng Đạ Huoai mới chỉ là bước khởi đầu. Còn việc khẳng định được giá trị của thương hiệu trên thị trường là cả một quá trình đầu tư lâu dài, đòi hỏi phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ.

Sầu riêng Đạ Huoai xưa nay vẫn được tiếng mẩu mã đẹp, chất lượng tốt. Từ những năm 30 thế kỷ trước, cây sầu riêng đã được trồng trên địa bàn huyện Đạ Huoai, với 2 vườn sầu riêng nổi tiếng: Sở Bà Tây và Nam Nhi. Tuy nhiên, phải đến những năm 80-90, loại cây này mới được chú trọng và trở thành cây trồng chủ lực tại địa phương. Trên cơ sở lợi thế về đất đai, khí hậu mà đặc biệt là hiệu quả kinh tế cây sầu riêng mang lại, năm 2001, Huyện ủy Đạ Huoai đã ban hành Đề án chuyển đổi vườn điều, vườn cây ăn trái theo hướng chuyên canh, dần thay thế những diện tích trồng sầu riêng hạt sang trồng các giống sầu riêng ghép cho năng suất và chất lượng cao như Dona, Monthoong, Ri 6, Chín hóa... Huyện Đạ Huoai cũng đã đẩy mạnh công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh cho cây sầu riêng. Nhờ đó, năng suất, chất lượng của sầu riêng Đạ Huoai được nâng cao và ngày càng mang tính cạnh tranh trên thị trường.

Theo số liệu của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đạ Huoai, hiện nay, địa phương đang có trên 2.000 ha sầu riêng; trong đó, có hơn 1.800 ha sầu riêng ghép chất lượng cao và gần 940 ha đang trong giai đoạn kinh doanh; năng suất đạt trên 9 tấn/ha; sản lượng hàng năm hơn 8.500 tấn. Năm 2015, 15 hộ trồng sầu riêng tại các xã Hà Lâm, Phước Lộc và Đạ P'Loa đã áp dụng quy trình VietGAP trên 38 ha, với sản lượng khoảng 488 tấn. *"Nếu như 1 ha điều cho thu nhập từ 75-85 triệu đồng, 1 ha cao su là 45-50 triệu đồng, thì 1 ha sầu riêng cho doanh thu 500-900 triệu đồng. Theo thống kê sơ bộ của ngành Nông nghiệp huyện Đạ Huoai, năm 2016, toàn huyện có trên 250 ha sầu riêng cho thu nhập từ 200 triệu đồng trở lên. Giá trị sản xuất cây sầu riêng đạt 152,3 tỷ đồng, chiếm 32% giá trị sản xuất toàn ngành. Từ những kết quả trên cho thấy giá trị kinh tế mà cây sầu riêng mang lại cho người nông dân cao gấp nhiều lần các loại cây trong khác"*, ông Nguyễn Linh Hoạt, Phó Chủ tịch UBND huyện Đạ Huoai, cho biết.

Tuy nhiên, ông Hoạt cũng thừa nhận: Lâu nay, sản xuất sầu riêng của Đạ Huoai vẫn ở quy mô gia đình, thiếu tính liên kết trong sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy, mỗi khi đến mùa vụ, vẫn xảy ra tình trạng tư thương ép giá, chất lượng sản phẩm trái sầu riêng chưa đồng đều. Bên cạnh đó, công tác chế biến,



Cây sầu riêng đang khẳng định vị thế chủ lực kinh tế tại huyện Đạ Huoai

bảo quản sầu riêng sau thu hoạch cũng còn nhiều hạn chế.

Trước những yêu cầu từ thực tiễn, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và mang lại giá trị kinh tế cho người trồng sầu riêng, huyện Đạ Huoai đã xúc tiến xây dựng quy trình chứng nhận nhãn hiệu độc quyền Sầu riêng Đạ Huoai và được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận ngày 22/6/2016. Huyện Đạ Huoai cũng đã tổ chức công bố nhãn hiệu "Sầu riêng Đạ Huoai" trong tháng 10/2016.

Theo ông Lưu Tiến Chinh, Chủ tịch UBND huyện Đạ Huoai, về định hướng phát triển trong thời gian tới, địa phương phấn đấu ổn định diện tích sản xuất sầu riêng khoảng 2.100-2.200 ha vào năm 2020. Trong đó, diện tích sầu riêng kinh doanh khoảng 1.720 ha, sản lượng hàng năm trên 22.000 tấn.

Ông Trần Ngọc Liêm, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng chỉ đạo: Trước mắt, huyện cần khẩn trương hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch sầu riêng một cách khoa học, đảm bảo "Sầu riêng Đạ Huoai" đạt các tiêu chuẩn VietGAP và xa hơn là tiêu chuẩn GlobalGAP để đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Song song với những việc làm trên, huyện cần đẩy mạnh xúc tiến thương mại cũng như hỗ trợ xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tuyệt đối không để xảy ra hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với cây sầu riêng Đạ Huoai. ■





## HƯỚNG ĐI KHẢ QUAN TỪ NUÔI BÒ KOBE Ở BẢO LÂM

**XUÂN LONG**

Tại xã Tân Lạc (huyện Bảo Lâm) là nơi đầu tiên ở Việt Nam đã hình thành một trang trại nuôi bò Kobe. Chỉ mới 5 năm hình thành trang trại, con bò Kobe có thể khẳng định là thích hợp với vùng đất ở Nam Tây Nguyên này. Bước đầu, Trại bò Kobe Tân Lạc khá thành công, đàn bò phát triển tốt, đem lại kết quả khả quan.

Chúng tôi vừa có dịp đến thăm Trại bò Kobe ở thôn 9, xã Tân Lạc, huyện Bảo Lâm. Anh Nguyễn Trí Đức Vũ, Giám đốc Công ty Cổ phần bò Kobe Việt Nam, phấn khởi cho biết: “Trại bò Kobe Tân Lạc hiện đã tăng đàn lên 380 con; trong đó, có 180 con Kobe F<sub>1</sub> và 200 con bò sữa HF (bò cái nèn). Trại đã bắt đầu cung cấp thịt bò Kobe ra thị trường”.

Cũng theo anh Nguyễn Trí Đức Vũ, do chất lượng thịt cao cấp, giá bán từ 700.000 đến 3.000.000 đồng/kg, nên khách hàng chưa quen, thị trường còn hẹp. Hiện tại, Trại chỉ mới làm thịt và cung cấp ra thị trường 1 con/1 tháng (bình quân trọng lượng hơi xuất chuồng khoảng 800 kg/con), nên Công ty đã thành lập 1 văn phòng tại Hà Nội và 1 văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh để vừa thực hiện giao dịch mở rộng thị trường, vừa làm đại lý độc quyền bán thịt bò Kobe.

Tìm hiểu về quy trình kỹ thuật chăn nuôi bò thịt Kobe, anh Nguyễn Trí Đức Vũ cho chúng tôi biết: Bò thịt Kobe nuôi ở Trại Tân Lạc là bò Kobe thế hệ F1. Bò Kobe thế hệ F1 là sản phẩm lai tạo từ tinh bò Kobe thuần (nhập từ Mỹ) với bò sữa Hà Lan (HF). Để có được bò Kobe F1, ban đầu khi mới thành lập, Trại nuôi 100 con bò cái HF. Việc nuôi bò Kobe khá phức tạp, đòi hỏi phải biết kỹ thuật và chăm sóc kỹ lưỡng, đúng quy trình. Một con bò Kobe F1 khi mới sinh cân nặng chừng 30-40 kg, phải tiến hành khám sức khỏe, phân loại, gắn thẻ để có cách chăm sóc riêng. Trên thẻ ghi rõ lai lịch từng con (ngày sinh, nguồn gốc và đặc điểm). Nhìn vào tấm thẻ này, người nuôi nhận dạng và theo dõi từng con.

Bò Kobe thích nghi với xứ lạnh, nên khi nuôi trong môi trường nóng và độ ẩm cao như ở Việt Nam, giống bò này yếu hơn các giống bò khác. Trong thời gian còn dưới 4 tháng tuổi, bò Kobe rất dễ mắc bệnh viêm phổi, chướng hơi, do đó, cần phải có chế độ chăm sóc đặc biệt, kỹ càng. Ngoài lượng thức ăn hàng ngày, bò Kobe còn được bổ sung vitamin và các khoáng chất thiết yếu.



Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Trần Đức Quận đến thăm Trại bò Kobe

Với mục đích nuôi để lấy thịt, bò Kobe được vỗ béo ngay từ những tháng đầu tiên sau khi sinh. Thức ăn dành cho bò Kobe được kết hợp từ nhiều loại nguyên liệu: cỏ voi, bắp ủ chua, bã mía, hèm bia, rỉ mật, gạo (tám), cám, bã đậu nành, bã đậu phộng, bánh dầu... Hai lần mỗi ngày, nhân viên của Trại dọn dẹp vệ sinh. Nguồn nước và thức ăn trong máng luôn duy trì, không để cạn hết, vì đặc điểm bò Kobe cần được ăn, uống thường xuyên. Càng lớn, bò Kobe cần lượng thức ăn tinh nhiều hơn. Ở độ tuổi trưởng thành, một con bò Kobe có thể ăn từ 60-80 kg thức ăn/ngày.

Trong suốt thời gian từ khi mới sinh đến trưởng thành, bò Kobe còn được nuôi dưỡng trong môi trường âm nhạc. Buổi sáng, trước khi cho bò ăn, Trại mở nhạc hòa tấu. Khi nghe tiếng nhạc, bò sẽ hình thành phản xạ có điều kiện và bước tới máng ăn. Nhạc được mở suốt cả ngày có tác dụng thư giãn để kích thích, giúp bò ăn nhiều hơn. Đến thời gian xuất chuồng (trên 30 tháng tuổi), đạt trọng lượng từ 800-900 kg, bò bắt đầu tiêu thụ lượng thức ăn ít dần.

Trước khi xuất chuồng khoảng 2-3 tháng, bò Kobe được “bồi dưỡng” thêm bằng bia. Bia là loại thức uống được làm từ lúa mạch, có tác dụng giúp bò Kobe kích thích tiêu hóa và tăng



lượng mỡ trong thịt, tạo vóc dáng vạm vỡ. Lúc này, người nuôi sử dụng “công nghệ massage” để bò hình thành những vân mỡ trong xơ thịt. Dựa vào lượng vân mỡ trong thịt nhiều hay ít, thịt bò Kobe được phân loại phẩm cấp (chất lượng) cao hay thấp.

Nhờ có nhiều mỡ, thịt bò Kobe mềm và mùi vị thơm ngon đặc biệt. Theo Giám đốc Nguyễn Trí Đức Vũ, ở Nhật Bản, sau khi mổ, thịt bò Kobe được Hội đồng (các chuyên gia) đánh giá chất lượng để phân loại phẩm cấp thịt. Dựa vào hàm lượng thịt thu được trên một kg thể trọng, thịt bò sẽ được phân loại A, B, C và tỷ lệ vân mỡ phân bố trên thịt sẽ quyết định cấp độ thịt từ loại 1 đến loại 5. Tại Nhật Bản, loại thịt bò Kobe đạt chuẩn A5 (loại ngon nhất) hiện được bán ra với giá 180-200 USD/1 kg.

Với Trại bò Kobe Tân Lạc, sau 5 năm nuôi thử nghiệm, ông Nguyễn Trí Đức Vũ khẳng định: Bước đầu rất khả quan, Trại bò khá thành công và cho thấy con bò Kobe có thể nuôi được tại đây. Trong thời gian đầu, lượng thịt bò xuất chuồng chưa nhiều, Công ty sẽ phấn đấu tăng dần và trước mắt là xuất bán 1 con/1 tuần. Mặt khác, Công ty đang mở rộng dần quy mô trang trại.

Về lâu dài, theo kế hoạch, sau quá trình nuôi thử nghiệm ổn định, thế hệ bò thịt Kobe F1 ra đời



Bò Kobe F1 đang trong giai đoạn trưởng thành

được 4 tháng tuổi, sẽ được Công ty chuyển giao cho người dân địa phương nuôi gia công trong giai đoạn trưởng thành. Đến 26 tháng tuổi, Công ty sẽ nhận bò trở lại để tiếp tục nuôi giai đoạn vỗ béo trước khi xuất chuồng.

Việc nuôi bò thịt Kobe tại Tân Lạc được chính quyền địa phương ghi nhận. Mới đây, ông Trần Đức Quận, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, cùng lãnh đạo các ngành của tỉnh đã có dịp đến thăm Trại bò Kobe và đánh giá rất cao mô hình chăn nuôi này; kỳ vọng Trại bò Kobe sẽ góp phần mở hướng tích cực cho ngành chăn nuôi bò thịt ở địa phương. ■

## ĐẦU TƯ CHUỖ GIÁ TRỊ CHO THƯƠNG HIỆU ACTISÔ

(Tiếp theo trang 10)

Như vậy, việc đầu tư phát triển chuỗi giá trị thương hiệu bền vững cho sản phẩm Actisô rất cần có sự đảm bảo từ các cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư tài chính, nhà máy, chuỗi nhà vườn như: chủ trương quy hoạch xây dựng thương hiệu và phát triển chuỗi giá trị gia tăng Actisô Đà Lạt; cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển cây chủ lực Actisô (theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg) trong chuỗi giá trị thương hiệu; việc công bố bộ tiêu chuẩn hóa cho sản phẩm Actisô (giống, thành phẩm), mở rộng diện tích hợp tác đầu tư ngoài tỉnh tại các vùng canh tác thích hợp; hợp đồng đầu tư xây dựng giá trị thương hiệu Actisô (vùng, quốc gia); hợp đồng đầu tư tài chính (ủy thác thu, chi hộ/ngân hàng), hợp đồng bao tiêu sản phẩm giữa nhà đầu tư tài chính, nhà máy, nông hộ nhằm đảm bảo giá, thu nhập cao hơn hoặc đạt ngưỡng giá thị trường so với cây trồng khác (rau, hoa) trên mỗi vụ/hecta; lộ trình công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, định vị thương hiệu cho nhóm sản phẩm lưu hành, gia nhập thị trường, bảo tồn và phát triển cây thuốc Lâm Đồng...

Từ những phân tích trên, cho thấy vai trò, vị trí của mạng lưới hạt nhân CEO, kỹ thuật, tài chính thương mại nhằm hỗ trợ hoạt động chuỗi liên kết các nhân tố chủ thể như:

Nhà đầu tư tài chính cần chú trọng xây dựng vùng nguyên liệu sạch theo tiêu chuẩn GACP (Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc) chiếm tỷ lệ lớn trên tổng diện tích Actisô Đà Lạt (2020); tạo cơ hội cho nhà vườn áp dụng công nghệ bảo quản, sử dụng nhà phơi, kho chứa nguyên liệu thô sau thu hoạch nhằm tránh mưa, bụi bẩn, ẩm mốc; định hướng quy hoạch, chọn giống, xử lý đất khi khởi sự đầu tư trồng lấy lá, bông...; đầu tư nhà vòm phơi cách ly, hệ cảm biến nước sạch, tiêu chuẩn kho bảo quản sau sơ chế, ứng dụng công nghệ đèn LED chiếu sáng, chế phẩm sinh học... Hiệp hội doanh nghiệp/dược liệu tỉnh hỗ trợ thành lập Chi hội Actisô (gồm top các doanh nghiệp, nhà vườn sản xuất, chế biến, tiêu thụ Actisô, các tour du lịch famtrip, du lịch xanh); xây dựng tên miền, website (địa phương, quốc gia...) để quảng bá thương hiệu sản phẩm; hình thành chuỗi cung ứng bán lẻ, cửa hàng, siêu thị, mô hình bán lẻ online E-bay, Lazada...; tổ chức hoạt động sự kiện Artichaux's day (Festival địa phương), tour lữ hành Actisô Việt Nam; các hoạt động hỗ trợ tài chính và đào tạo từ chuyên gia nước ngoài nhằm hoàn thiện dữ liệu, mô hình và chuỗi giá trị thương hiệu Actisô. ■





## TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

### Tin nghiệm thu đề tài

+ Trong quý III/2017, Hội đồng KH&CN cấp tỉnh đã nghiệm thu chính thức đề tài “Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Cát Tiên - Lâm Đồng” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện.



Đề tài đã phối hợp với Ban Quản lý Khu Di tích Cát Tiên đặt lại tên các di tích đền tại Khu Di tích khảo cổ Cát Tiên và phân thành từng nhóm dựa trên mối quan hệ so sánh với kiến trúc, văn hóa và tôn giáo Ấn Độ. Từ đó, căn cứ vào di tích, di vật xác định lại chức năng, tính chất của từng kiến trúc đền thần.

Các nghiên cứu so sánh, số hóa, phục dựng, phác họa mô hình 3D các kiến trúc đền đã góp phần cho công tác bảo tồn, trùng tu, phát huy giá trị di tích tại Khu Di tích khảo cổ Cát Tiên và Bảo tàng Lâm Đồng.

Kết quả còn góp phần giải mã các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội của giai đoạn Phù Nam, văn hóa Óc Eo,...

Các giải pháp bảo tồn được đề tài đưa ra gồm: xác định hình khối kiến trúc trong phục hồi di tích khảo cổ; xác định loại hình, công năng và niên đại các di tích kiến trúc; xác định, tái lập khối kiến trúc tại các Gò ở Quảng Ngãi và Gò Đức Phổ của di tích bằng kỹ thuật số; xác định các biện pháp tái định vị, gia cố đối với các hình khối được tái lập. Bên cạnh đó là các giải pháp phát huy giá trị khu di tích khảo cổ học Cát Tiên trong không gian văn hóa bản địa và khu vực phụ cận; phát huy giá trị khu di tích gắn với kinh tế, văn hóa, du lịch của vùng đất Đông Nam Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030.

Đề tài được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu. Cơ quan chủ trì sẽ chỉnh sửa, hoàn chỉnh báo cáo theo những ý kiến góp ý của các thành viên hội đồng để bàn giao cho các sở, ban, ngành liên quan đưa vào ứng dụng.

+ Hội đồng KH&CN cấp tỉnh đã tiến hành nghiệm thu chính thức dự án “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu - Website phục vụ quản lý, điều hành và tuyên truyền tại Công đoàn Viên chức tỉnh Lâm Đồng” do Công đoàn Viên chức tỉnh Lâm Đồng chủ trì và phối hợp với Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ Lâm Đồng thực hiện.

Sau hơn 1 năm triển khai, hệ thống được xây dựng hoàn chỉnh, vận hành ổn định tại địa chỉ <http://cdvclamdong.vn>, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và nội dung đã đề ra.

Dự án đã thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin với các chức năng quản trị linh động giúp thuận lợi trong quá trình quản trị cơ sở dữ liệu - website, hình thành các mục, mở rộng hệ thống thông tin quản lý, tuyên truyền, điều hành đáp ứng trong từng giai đoạn phát triển; việc quản lý đoàn viên, thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất;... của các công đoàn cơ sở lên cấp trên nhanh chóng, kịp thời.

Đơn vị đã cập nhật dữ liệu khởi tạo cho các mục thông tin ban đầu lên website và danh sách hơn 1.700 đoàn viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đoàn viên công đoàn trực tuyến; biên soạn tài liệu, tập huấn quản trị cho cán bộ Công đoàn Viên chức tỉnh và hướng dẫn khai thác, sử dụng hệ thống phần mềm và website trực tuyến cho 162 cán bộ công đoàn cơ sở; xây dựng hoàn chỉnh Quy chế sử dụng phần mềm.

Dự án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu.

### Công nhận và chuyển giao kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN

Ngày 10/7/2017, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1521/QĐ-UBND công nhận kết quả nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN gồm: *Nghiên cứu đánh giá và phát huy sản phẩm du lịch đặc thù nhằm thu hút khách đến Đà Lạt, Lâm Đồng* do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì thực hiện; *Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng* do Trường Đại học Đà Lạt chủ trì thực hiện và *Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Cát Tiên - Lâm Đồng* do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh thực hiện. Các đề tài, dự án đều đạt yêu cầu.

UBND tỉnh giao Sở KH&CN tổ chức việc thực hiện chuyển giao, theo dõi, quản lý, đánh giá việc ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Các đơn vị nhận chuyển giao gồm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thành phố Đà Lạt, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Công ty cổ phần Du lịch Lâm Đồng, UBND huyện Lạc Dương, Sở Xây dựng, Bảo tàng Lâm Đồng, Ban Quản lý Di tích Cát Tiên, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,.... có trách nhiệm triển khai ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN, định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở KH&CN.



### Kiểm tra tiến độ đề tài, dự án

Trong 02 ngày 13-14/6/2017, Sở Khoa học và Công nghệ đã thành lập đoàn kiểm tra tiến độ đối với 04 đề tài, dự án thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2015, 2016. Các đề tài, dự án triển khai cơ bản đảm bảo đúng tiến độ theo thuyết minh đề cương đã được phê duyệt. Một số vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai đã được đoàn kiểm tra kiến nghị và hướng dẫn thực hiện. Cụ thể như sau:

Đề tài “*Nghiên cứu tác nhân gây bệnh là virus trên cá giống của cá Hồi và cá Tầm tại Lâm Đồng*” do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III chủ trì thực hiện được ký hợp đồng triển khai vào năm 2016. Đến nay, đề tài đã thu thập 30 mẫu cá hồi, 110 mẫu cá tầm Nga và 125 mẫu cá tầm Siberi. Qua nghiên cứu đã phát hiện một số dấu hiệu trên mô bệnh học như mô liên kết bị vỡ, nhân phình to, có hiện tượng melanin hóa trong mô. Bằng phân tích PCR, đã phát hiện dương tính với 4 loài virus trên cá hồi là IPNV, SAV, ISAV và EHN, trong đó có loại virus DNA, 3 loại virus RNA và loài virus trên cá tầm là IHN, VER.

Đề tài “*Nghiên cứu các đặc điểm di truyền phân tử của quần thể bò lai tự nhiên giữa bò tót và bò nhà ở Vườn quốc gia Phước Bình tạo cơ sở cho công tác chọn giống*” do Viện Công nghệ Sinh học chủ trì thực hiện. Đây là đề tài thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam quản lý, trong đó có hợp tác và đối ứng kinh phí của tỉnh Lâm Đồng. Đến nay, Ban chủ nhiệm đã hoàn thiện việc thu thập các mẫu máu và phân tích bộ nhiễm sắc thể của các cá thể bò lai, sàng lọc các chỉ thị SSR đặc trưng cho bò tót, bò nhà và bò lai; tiến hành phân lập và xác định trình tự các vùng gen ITS, so sánh trình tự và xác định chỉ thị đặc trưng bò nhà và bò tót. Thông qua đề tài đã góp phần đào tạo thành công 01 thạc sỹ và 03 sinh viên đại học.

Đề tài “*Nghiên cứu tuyển chọn một số giống cà phê chè (Coffea arabica L.) đạt năng suất, chất lượng cao tại Lâm Đồng*” do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên chủ trì. Trong kỳ báo cáo, Ban chủ nhiệm đang thực hiện các thí nghiệm nghiên cứu tuyển chọn giống cà phê chè năng suất, chất lượng cao tại 2 vùng trồng chính Đà Lạt, Lâm Hà; nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật canh tác cho cà phê chè; tiếp tục hình kế thừa tại các vùng Đà Lạt, Đơn Dương và Lâm Hà. Kết quả theo dõi 03 mô đã trồng mới sử dụng giống mới tại Lạc Dương, Đức Trọng và Lâm Hà đều sinh trưởng tốt, phát sinh nhiều cành cấp 1. Trong thời gian tới, Ban chủ nhiệm sẽ tiến hành tập huấn T<sub>0</sub>F về kỹ thuật thâm canh các giống cà phê chè mới theo hướng bền vững cho người trồng cà phê tại các huyện Lâm Hà, Đơn Dương và thành phố Đà Lạt.

Dự án “*Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn tại xã Đạ R’Sal, huyện Đam Rông*” được Trung tâm Nông nghiệp huyện Đam Rông chủ trì thực hiện. Qua 6 tháng triển khai, dự án đã hoàn thành việc điều tra, khảo sát tình hình sản xuất nông nghiệp đối với 100 hộ dân tại các thôn Liên Hương, Phi Có, Tân Tiến thuộc xã Đạ R’Sal, huyện Đam Rông. Đơn vị đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng phân tích 4 mẫu đất, 4 mẫu nước; xây dựng 4 nhà lưới và hệ thống tưới cho 4 hộ dân tham gia dự án.

### Họp Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân tỉnh Lâm Đồng lần 1 năm 2017

Ngày 21/7/2017, Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức cuộc họp Ban Chỉ huy lần 1 năm 2017.

Tham dự Hội nghị có ông Trần Ngọc Liêm, Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban; các thành viên Ban chỉ huy là đại diện Lãnh đạo các sở, ban, ngành và thành viên tổ giúp việc.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, Ban chỉ huy đã thực hiện việc kiện toàn tổ chức lực lượng ứng phó sự cố; xây dựng và phát sóng video tuyên truyền về an toàn bức xạ trên Đài Phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng; tổ chức kiểm kê nguồn phóng xạ và phối hợp tổ chức 02 lớp tập huấn cho các thành viên của Ban chỉ huy và tổ giúp việc.

Tại Hội nghị, các thành viên Ban chỉ huy đã góp ý dự thảo 02 quy chế phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân trong hoạt động ứng phó theo Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về phê duyệt Kế hoạch hoạt động triển khai ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị, ông Trần Ngọc Liêm, Trưởng Ban Chỉ huy đã đề nghị Cơ quan thường trực xây dựng kế hoạch chi tiết nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017; tiếp thu ý kiến của các thành viên, hoàn thiện 02 quy chế phối hợp và trình UBND ban hành; triển khai việc mua sắm trang thiết bị theo Kế hoạch đã được phê duyệt; xây dựng chi tiết kế hoạch thực tập kết nối thông tin liên lạc giữa các tổ chức ứng phó và kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. ■



Tập huấn ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân





## NGHIÊN CỨU VỠ BÉO BÒ LAI CAO SẢN

**TS. TRƯƠNG LA**

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên

### 1. Mở đầu

Lâm Đồng có thể mạnh phát triển chăn nuôi bò thịt, là một trong những địa phương áp dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật để cải tạo nâng cao tầm vóc cho đàn bò thịt, tạo ra đàn bò lai có năng suất và chất lượng cao. Từ năm 2013 đến 2016, trong khuôn khổ đề tài “Lai tạo giống bò thịt cao sản thích hợp với điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Lâm Đồng”, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên đã lai tạo thành công 3 nhóm bò lai từ các giống cao sản Brahman, Drought Master và Red Angus. Tuy nhiên, để phát huy tiềm năng giống thì việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối với bò lai cần được chú trọng. Nhằm đáp ứng những yêu cầu trên, việc nghiên cứu vỗ béo bò lai cao sản là hết sức cần thiết. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm nâng cao năng suất và chất lượng thịt của các bò lai cao sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Thành phần thức ăn	Tỷ lệ (%)
- Bột ngô	35
- Bột sắn	56
- Bột cá	7
- Urê	1
- Premix khoáng	1
<b>Tổng</b>	<b>100</b>
- Năng lượng trao đổi (Kcal/kgCK)	2.440
- Protein thô (%)	11,1

### 2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Thời gian, địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 01-12/2016 tại các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh và Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

#### 2.2. Đối tượng nghiên cứu

Các bò đực của 3 nhóm bò lai giữa các giống đực Brahman, Drought Master và Red Angus với bò cái lai Sind có độ tuổi là 19 tháng.

#### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Bố trí thí nghiệm: mỗi điểm theo vùng sinh thái (vùng 1 gồm huyện Đơn Dương và Đức Trọng; vùng 2 gồm huyện Di Linh và Tp. Bảo Lộc); sử dụng 12 bò lai của 4 giống: Brahman, Drought Master, Red Angus và lai Sind, trong đó bò lai Sind làm đối chứng. Mỗi giống nuôi 3 con bò đực 19 tháng tuổi. Cả 4 lô cho ăn cùng 1 khẩu phần. Nuôi nhốt, giam nuôi trong 90 ngày. Khẩu phần nuôi vỗ béo bò như sau:

\* Cách cho ăn: thức ăn tinh được chia đều 2 bữa trong ngày (vào 8 giờ sáng và 4 giờ chiều); cho ăn 3 kg thức ăn tinh/ngày/con và ăn cỏ tươi tự do.

\* Các chỉ tiêu theo dõi: tăng khối lượng của bò; tiêu tốn thức ăn; hiệu quả kinh tế; các thành phần thịt giết mổ; phẩm chất thịt.

\* Phương pháp xử lý số liệu: số liệu thu thập qua các thí nghiệm được xử lý bằng phần mềm Excel và Minitab trên máy vi tính.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Khả năng tăng khối lượng của bò vỗ béo

Kết quả tăng khối lượng và tiêu tốn thức ăn của bò vỗ béo được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Tăng khối lượng và tiêu tốn thức ăn của bò vỗ béo

Chỉ tiêu	Nhóm bò lai			
	BL (n=6)	DL (n=6)	RL (n=6)	LS (n=6)
- Khối lượng ban đầu (kg)	290,2 ± 6,2	320,5 ± 5,0	319,3 ± 4,8	192,3 ± 6,0
- Khối lượng kết thúc thí nghiệm (kg)	362,3 ± 6,2 b	395,5 ± 5,9 a	398,7 ± 6,4a	253,7 ± 4,2 c
- Tăng khối lượng bình quân (g/con/ngày)	801,1 ± 42 a	833,3 ± 38 a	882,2 ± 41 a	682,2 ± 37 b
- Tiêu tốn thức ăn (kg/kgTT)	7,1 ± 0,27 b	6,9 ± 0,4 bc	6,5 ± 0,35 c	8,2 ± 0,42 a

\* Các chữ khác nhau ký hiệu ở hàng ngang biểu thị sự sai khác giữa các số trung bình (P<0,05).



Bò lai Brahman



Bò lai Red Angus

Tăng khối lượng bình quân cả giai đoạn vỗ béo của các nhóm bò lai cao sản khác nhau nhưng chưa có sự sai khác rõ rệt ( $P>0,05$ ). Cả 3 giống lai được nuôi vỗ béo theo một chế độ thức ăn như nhau sẽ cho tăng khối lượng là như nhau. Trong 3 nhóm thì nhóm bò lai Red Angus có tiềm năng về tăng khối lượng là cao nhất, tiếp theo là nhóm bò lai Drought Master và thấp nhất là nhóm lai Brahman. Cả 3 nhóm lai cao sản đều cho tăng khối lượng cao hơn bò lai Sind được nuôi trong cùng điều kiện ( $P<0,05$ ).

Tiêu tốn thức ăn của nhóm bò lai Red Angus là thấp nhất (6,5 kg/kgTT), tiếp đến là nhóm bò

lai Drought Master (6,9 kg/kgTT) và nhóm lai Brahman (7,1 kg/kgTT). Cả 3 nhóm lai cao sản đều có mức tiêu tốn thấp hơn so với bò lai Sind (8,2 kg/kgTT).

### 3.2. Kết quả mổ khảo sát thịt của các nhóm bò lai

#### 3.2.1. Các thành phần thịt giết mổ của các nhóm bò lai

Để đánh giá chất lượng thịt của các nhóm bò lai, đề tài đã chọn đại diện để mổ khảo sát, kết quả về thành phần thịt của bò được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Thành phần thịt của các nhóm bò lai

TT	Chỉ tiêu	Nhóm bò lai			
		BL	DL	RL	LS
1	Khối lượng sống (kg)	360	387	395	265
2	Khối lượng thịt xẻ (kg)	182,9	202,8	216,1	123,5
	Tỷ lệ thịt xẻ (%)	50,8	52,4	54,7	46,6
3	Khối lượng thịt tinh (kg)	149,4	164,9	175,8	102,6
	Tỷ lệ thịt tinh (%)	41,5	42,6	44,5	38,7
4	Khối lượng xương (kg)	26,1	27,0	25,5	19,1
	Tỷ lệ xương/thịt xẻ (%)	17,5	16,4	14,5	18,6

Tỷ lệ thịt xẻ của các nhóm bò như sau: đạt cao nhất là nhóm lai Red Angus: 54,7%; tiếp đến là

nhóm lai Drought Master: 52,4% và thấp nhất là nhóm lai Brahman: 50,7%.

Bảng 3. Tỷ lệ các loại thịt của các nhóm bò lai

TT	Chỉ tiêu	Nhóm bò lai			
		BL	DL	RL	LS
1	Khối lượng thịt loại 1 (kg)	52,6	60,7	68,2	34,3
	Tỷ lệ thịt loại 1 (%)	35,2	36,8	38,8	33,4
2	Khối lượng thịt loại 2 (kg)	56,0	60,7	63,3	39,2
	Tỷ lệ thịt loại 2 (%)	37,5	36,8	36	38,2
3	Khối lượng thịt loại 3 (kg)	40,8	43,5	44,3	30,4
	Tỷ lệ thịt loại 3 (%)	27,3	26,4	25,2	29,6

Tỷ lệ thịt loại 1 của nhóm bò Red Angus đạt cao nhất: 38,8%; tiếp đến là nhóm Drought Master (36,8%) và thấp nhất là nhóm bò lai Brahman (35,2%).



Bò lai Drought Master





**3.2.2. Thành phần hóa học của thịt bò lai cao sản vỗ béo**

Hàm lượng vật chất khô của 3 nhóm bò lai cao sản biến động từ 27,42-27,65%; hàm lượng

protein thô từ 21,42-22,25%. Như vậy, hàm lượng chất khô và protein thô của thịt bò không phụ thuộc vào giống bò khác nhau mà theo đặc trưng của loài.

Bảng 4. Thành phần hóa học của thịt bò vỗ béo

Chỉ tiêu (%)	Nhóm bò lai			
	BL	DL	RL	LS
- Chất khô	27,65 ± 1,6	27,21 ± 1,6	27,42 ± 1,3	27,52 ± 1,2
- Protein	21,42 ± 0,6	22,18 ± 0,71	22,25 ± 0,56	21,14 ± 0,51
- Lipid	2,45 ± 0,36 b	2,77 ± 0,48 b	3,22 ± 0,21a	2,15 ± 0,32 b
- Khoáng tổng số	1,32 ± 0,04	1,15 ± 0,08	1,23 ± 0,05	1,18 ± 0,07

\* Các chữ khác nhau ký hiệu ở hàng ngang biểu thị sự sai khác giữa các số trung bình (P<0,05).

Hàm lượng lipid ở nhóm bò lai Red Angus là cao nhất và có sự sai khác so với 3 nhóm còn lại (P<0,05). Cụ thể hàm lượng lipid của bò lai Red Angus: 3,22%; bò lai Brahman: 2,45%; bò lai Drought Master: 2,77% và bò lai Sind: 2,15%.

**3.3. Ước tính hiệu quả kinh tế vỗ béo bò**

Nuôi vỗ béo trong thời gian 90 ngày bằng khẩu phần thức ăn tinh hỗn hợp và cỏ xanh, ước tính hiệu quả kinh tế được trình bày tại bảng sau:

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế của các nhóm bò lai (ĐVT: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Nhóm bò lai			
	BL	DL	RL	LS
- Khối lượng tăng trong kỳ (kg)	72,1	75	79,4	61,4
- Giá bán bò	72	72	73	70
- Thu trong kỳ	5.191,2	5.400	5.796,2	4.298
- Chi trong kỳ	3.435	3.435	3.435	3.435
+ Thức ăn tinh	2.935,0	2.935,0	2.935,0	2.935,0
+ Thuốc thú y, vaccin	100	100	100	100
Chênh lệch thu chi	2.256,2	2.465,0	2.861,2	1.363,0
So với đối chứng	893,2	1.102	1.498,2	-

Số tiền chênh lệch thu chi của các nhóm bò lai cao sản tăng dần từ nhóm Brahman, Drought Master và Red Angus, cụ thể như sau: Brahman: 2.256.200 đồng/con; lai Drought Master: 2.465.000 đồng/con; bò lai Red Angus: 2.861.200 đồng/con, bò đối chứng (lai Sind): 1.363.000 đồng/con. Chênh lệch thu chi so với đối chứng của nhóm bò lai Red Angus là cao nhất: 1.498.200 đồng/con, tiếp đến là nhóm bò lai Drought Master: 1.102.000 đồng/con và thấp nhất là nhóm Brahman: 893.200 đồng/con. Xét về hiệu quả kinh tế thì cả 3 nhóm bò lai cao sản đều cao hơn bò lai Sind. Trong đó, hiệu quả kinh tế cao nhất là nhóm bò lai Red Angus, có chênh lệch thu chi gấp hơn 2 lần so với nhóm bò lai Sind.

**4. Kết luận và đề nghị**

**4.1. Kết luận**

- Nuôi vỗ béo trong 90 ngày, tăng khối lượng của 3 nhóm bò lai cao sản là tương đương nhau (đạt từ 801,1-882,2 g/con/ngày) và cao hơn bò lai Sind. Chênh lệch thu chi của nhóm bò lai Red Angus là cao nhất, tiếp đến là Drought Master và thấp nhất là nhóm lai Brahman.

- Tỷ lệ thịt tinh và thịt xẻ của bò lai Red Angus là cao nhất, sau đó đến nhóm bò lai Drought Master và thấp nhất là nhóm lai Brahman. Các chỉ tiêu thành phần protein thô, vật chất khô

không có sự sai khác giữa các nhóm bò và đều đạt tiêu chuẩn.

**4.2. Đề nghị**

- Áp dụng quy trình kỹ thuật chăn nuôi bò lai cao sản để tăng năng suất và chất lượng thịt.

- Cần có các nghiên cứu về xây dựng khẩu phần thức ăn hỗn hợp phù hợp với điều kiện chăn nuôi của tỉnh Lâm Đồng và nghiên cứu các mức protein khác nhau trong khẩu phần để thấy được sự ảnh hưởng của nó đến tăng khối lượng của bò lai cao sản. ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Đình Văn Cải, Nguyễn Ngọc Tấn, Vương Ngọc Lân, 2001. *Khả năng sinh trưởng của bê lai giữa tinh bò đực Charolais, Abondane, Tarentaise với bò lai Sind*. Báo cáo khoa học chăn nuôi - thú y, 2000-2001.

Đình Văn Cải, Phạm Văn Quyên (2007). *Hiệu quả vỗ béo của các nhóm bò lai F1 giống thịt*. Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi, số 5 [99] - 2007, tr: 9-12.

Trương La (2010). *Sử dụng một số phụ phẩm nông nghiệp để vỗ béo bò thịt tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk*. Luận án tiến sĩ nông nghiệp, 2010.

Nguyễn Quốc Trung, 2015. *So sánh con lai F1 giữa các giống bò Brahman, Red Angus, lai Sind trên đàn bò nền địa phương và xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại huyện Ba Tri*. Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh Bến Tre.



## NGHIÊN CỨU BẢO TỒN VÀ NUÔI TRỒNG CÂY LAN GẮM (*ANOECTOCHILUS* SP.) TẠI ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG

**TS. PHAN XUÂN HUYỀN**

Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên

### 1. Giới thiệu

Tây Nguyên nói chung và Đà Lạt - Lâm Đồng nói riêng có điều kiện tự nhiên phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây dược liệu. Trong đó, cây Lan gấm (*Anoectochilus* sp.) là một loại thảo dược quý và có giá trị kinh tế cao. Ở nước ta, chi Lan gấm có khoảng 12 loài, nhưng chỉ có một số loài được quan tâm và nghiên cứu nhiều do có giá trị làm dược liệu (*Anoectochilus lylei* Rolfe ex Downies; *Anoectochilus roxburghii* (Wall.) Lindl; *Anoectochilus formosanus* Hayata). Ở Việt Nam hiện còn nhiều người chưa biết đến cây Lan gấm, nhưng trên thế giới, y học cổ truyền ngàn năm và các nghiên cứu y học hiện đại đã ghi nhận Lan gấm là vua của các loài thảo dược do tác dụng dược lý đa dạng của nó như bảo vệ gan, phòng ngừa và hỗ trợ điều trị ung thư, bệnh tiểu đường, các bệnh tim mạch, chống oxy hóa, tăng cường miễn dịch, kháng viêm. Ngoài ra, Lan gấm được dùng chữa viêm phế quản, thần kinh suy nhược, cao huyết áp, suy thận, chữa di tinh, đau lưng, phong thấp, giải độc, chống loãng xương, bồi bổ cơ thể, tăng cường sức khỏe và làm khí huyết lưu thông,...

Chính vì những giá trị trên mà nguồn Lan gấm trong tự nhiên ngày càng giảm do bị thu hái một cách triệt để và có nguy cơ tuyệt chủng cao. Cây Lan gấm đã được Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật, 2007 xếp vào loài có nguy cơ tuyệt chủng cần phải bảo vệ. Vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu bảo tồn, phát triển, nhân giống và nuôi trồng cây Lan gấm tạo ra nguồn nguyên liệu phục vụ trong lĩnh vực y học, thực phẩm và mỹ phẩm là vấn đề rất cần thiết.

Trên thế giới đã có nhiều công bố nghiên cứu nhân giống *in vitro* và nuôi trồng *ex vitro* thành công cây Lan gấm. Ở nước ta cũng đã có nhiều công bố nghiên cứu nhân giống *in vitro* thành công một số loài Lan gấm; nhưng việc nuôi trồng cây Lan gấm ở điều kiện *ex vitro* thì chưa thấy nghiên cứu nào công bố. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu nuôi trồng nhân tạo nhằm xây dựng quy trình nuôi trồng cây Lan gấm ở điều kiện ngoài vườn ươm, góp phần tạo nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu xã hội.

### 2. Kết quả nghiên cứu bảo tồn và nuôi trồng cây Lan gấm

Chúng tôi đã bảo tồn 3 loài Lan gấm có giá trị dược liệu trong ống nghiệm (*Anoectochilus lylei*, *Anoectochilus roxburghii*, *Anoectochilus formosanus*). Những loài Lan gấm này làm nguồn vật liệu để nhân nhanh bằng kỹ thuật nuôi cấy mô, tạo nguồn cây giống sạch bệnh, đồng nhất với số lượng lớn trong thời gian ngắn, đáp ứng cho việc nuôi trồng trên quy mô lớn.

Nghiên cứu chuyển cây nuôi cấy mô từ ống nghiệm ra ngoài vườn ươm là một công đoạn khó và quan trọng nhất trong nuôi cấy mô thực vật. Cây Lan gấm cấy mô (Hình a) thường được nuôi cấy trên môi trường thạch nên khi chuyển ra ngoài vườn ươm, bộ rễ phải thích nghi trên giá thể mới. Hơn nữa, độ ẩm trong điều kiện ống nghiệm cao và ổn định, trong khi độ ẩm ở vườn ươm thấp hơn và có sự dao động giữa các thời điểm trong ngày, do đó, cây con thường bị héo, dẫn đến chết. Vì vậy, trong thời gian đầu chuyển cây con ra ngoài vườn ươm, cần che chắn và phun sương giữ ẩm cho cây. Giá thể 90% vụn xơ dừa phối trộn 10% tro trấu là thích hợp chuyển cây Lan gấm cấy mô ra ngoài vườn ươm, với tỷ lệ sống cao và cây sinh trưởng tốt (Hình b).

Giá thể nuôi trồng nhân tạo cây Lan gấm là 90% vụn xơ dừa và 10% tro trấu phối trộn với phân dê hoặc phân bò đã ủ hoai theo tỷ lệ 3/1. Trong nuôi trồng cây Lan gấm, sử dụng kết hợp 3 loại phân bón lá như Nitrophoska® Foliar (2 g/l), hữu cơ sinh học JIA6 (2 ml/l) và Growmore (2 g/l) định kỳ 1 tuần/lần và mỗi tuần phun một loại phân. Tiến hành phun thuốc trừ sâu sinh học AMECTIN AIC 36 EC (3 ml/l) định kỳ 1-2 tháng/lần; kết hợp quan sát bắt sâu hàng ngày là phương pháp hiệu quả trong phòng, trị sâu hại trên cây Lan gấm. Định kỳ phun thuốc nấm Kasuran 47WP (3 g/l) 1-2 tháng/lần phòng ngừa và trị nấm bệnh. Cây Lan gấm đồng loạt ra hoa sau 18 tháng nuôi trồng và chăm sóc, với chiều cao đạt 17,98 cm, chiều dài rễ 13,95 cm, chiều rộng lá 3,22 cm, chiều dài lá 5,17 cm và khối lượng tươi 10,56 g/cây (Hình c).





Nghiên cứu nuôi trồng nhân tạo cây Lan gấm (*Anoectochilus* sp.)  
 a. Cây Lan gấm nuôi cấy mô; b. Cây Lan gấm cấy mô sau 2 tháng trồng ra ngoài vườn ươm; c. Cây Lan gấm cấy mô ra hoa sau 18 tháng nuôi trồng; d. Cây Lan gấm cấy mô sau 9 tháng nuôi trồng; e. Số nụ hoa trên cành hoa; f. Cây con tái sinh từ cây mẹ nuôi cấy mô ra hoa sau 3-4 tháng nuôi trồng (cây đánh dấu chấm màu xanh); g và h. Protocorm like bodies và chồi cây được tái sinh từ gốc cây sau khi thu hoạch phần thân lá

Trong quá trình nuôi trồng cho thấy, vào mùa khô, cây Lan gấm thường xuất hiện nhiều sâu cắn lá và thân, nhưng ít bị nấm bệnh; vào mùa mưa, nấm bệnh xuất hiện làm hư lá và ngọn nhưng ít bị sâu hại. Sâu hại có thể cắn đứt cây Lan gấm thành nhiều đoạn; sâu hại ở giai đoạn nhỏ (chiều dài khoảng 0,5-1 cm) chỉ hút nhựa, làm lá khô, héo; sâu hại ở giai đoạn lớn hơn không hút nhựa lá mà cắn phá thân cây. Ngoài ra, còn có hiện tượng tại các vị trí đốt thân bị khô, gãy đứt hoặc tại các vị trí rễ khí sinh bị hư, khô héo cũng làm gãy đứt cây Lan gấm, từ phần gốc sẽ tái sinh chồi mới, phần ngọn giâm trên giá thể vụn xơ dừa với độ ẩm thích hợp sẽ tái sinh rễ tạo thành cây mới.

Cây Lan gấm cấy mô 9 tháng tuổi chưa có khả năng ra hoa (Hình d), nhưng đến 18 tháng tuổi thì tất cả các cây đều ra hoa (Hình c), cành hoa mang 6-10 hoa (Hình e). Cây con tái sinh từ cây mẹ có thể ra hoa sau 3-4 tháng nuôi trồng (Hình f, cây đánh dấu chấm màu xanh). Tiến hành thu hoạch phần thân lá, gốc của mỗi cây tái sinh những protocorm like bodies và phát triển thành chồi cây (Hình g và h). Sau khi trồng 3-4 tháng, cây sinh trưởng và phát triển tăng chiều dài rễ, kích thước và chiều cao, có thể tiến hành thu toàn bộ hoặc thu hoạch phần thân, lá; phần gốc sẽ mọc chồi, sinh trưởng và phát triển thành cây mới.

Kết quả của nghiên cứu này có thể ứng dụng nuôi trồng cây Lan gấm trên quy mô lớn, tạo nguồn nguyên liệu dược liệu phục vụ trong lĩnh vực y học, thực phẩm, mỹ phẩm, nghiên cứu sản xuất trà dược liệu túi lọc Lan gấm, nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa đặc trưng của Đà Lạt - Lâm Đồng. ■

### HOÀP THỜ CÔNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Lương Nguyên Minh, Hồ Quang Thanh, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Khang Thiên, Nguyễn Văn Quý, Phạm Hoàng, Đoàn Bích Ngo, Nguyễn Văn Hậu...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp sử dụng vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 5/2017 tập trung vào chủ đề: *Chào mừng Đại hội Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng lần thứ V (2017-2022)*.

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

**Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ tỉnh Lâm Đồng**

35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3833163

Email: [trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn](mailto:trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn)





**TƯ LIỆU ĐÀ LẠT, ĐÔNG NAI THƯỢNG**

# Đà Lạt - *Trung tâm giáo dục*

**NGUYỄN HỮU TRANH**

Lược dịch

Đà Lạt là thiên đường của tuổi trẻ. Chính vì thế, khi xây dựng thành phố Đà Lạt thành nơi nghỉ dưỡng, người ta đã nghĩ đến việc xây dựng tại đây một trong những trung tâm giáo dục hoàn chỉnh nhất.

Ngoài nhiều trường tư thục, nhà cầm quyền Đông Dương biết rõ tình hình này nên đã bố trí ở Đà Lạt một trong những trường Pháp quan trọng ở Đông Dương - trường Lycée Yersin - nơi thanh thiếu niên nam nữ có thể theo học đầy đủ bậc tiểu học và trung học trong những điều kiện khí hậu đặc biệt, điều mà khó có thể tìm thấy được ở Sài Gòn và Hà Nội.

**Lược sử trường Lycée Yersin**

Theo Quyết định ngày 16-7-1927, trường “Petit Lycée”<sup>1</sup> được thành lập trên cơ sở những ngôi nhà của Tòa Thị chính Sài Gòn ở Đà Lạt và những nhà lân cận. Sau đó, nhiều dãy nhà mới được xây dựng thêm như lớp học, văn phòng, nhà ngủ, trạm xá,...

Các lớp tiểu học đầu tiên khai giảng vào ngày 16-9-1927 và chế độ nội trú bắt đầu hoạt động từ ngày 7-1-1928. Vào ngày khai trường, trong tổng số học sinh chỉ có 4 học sinh ngoại trú.

Trường “Grand Lycée”<sup>2</sup> được xây dựng từ tháng 11-1929 đến tháng 10-1932. Đỉnh đời được san bằng từ ngày 16-11-1929.

Từ năm 1929 đến năm 1931, trong khi chờ đợi xây dựng xong trường Grand Lycée, hiệu trưởng trường Petit Lycée đảm nhận tổ chức nội trú và giáo dục bậc trung học.

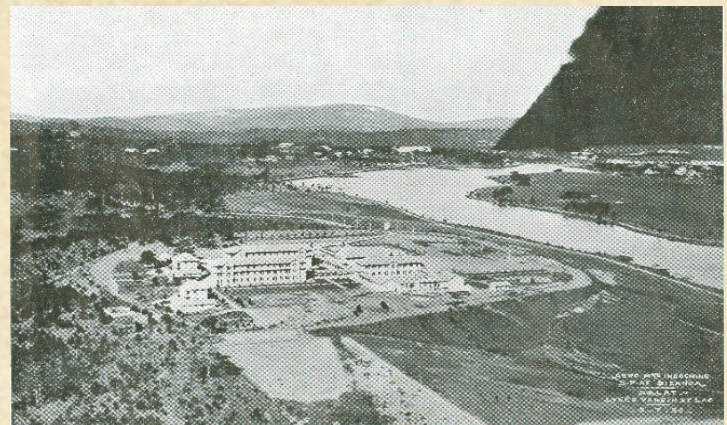
Lớp Sixième<sup>3</sup> khai giảng từ năm 1928. Từ ấy, hàng năm mở thêm các lớp trên.

Trường Grand Lycée hiện nay<sup>4</sup> do ông André Neveu, giáo sư<sup>5</sup> thạc sỹ, được cử làm hiệu trưởng theo Quyết định ngày 10-5-1935. Nhân dịp lễ phát thưởng vào ngày 28-6-1935, trường mang tên “Lycée Yersin” để tôn vinh nhà bác học, Tổng Thanh tra các Viện Pasteur Đông Dương, người sáng lập nơi nghỉ dưỡng Đà Lạt.

**Trường Lycée Yersin hiện nay**

Từ khi thành lập, đặc điểm của sự đổi mới giáo dục là vào mùa đẹp trời (tháng 11), các lớp bậc tiểu học và trung học được tổ chức ngoài trời, khi thì trong vườn hoa trường Petit Lycée, khi thì dưới rặng thông xanh quanh trường Grand Lycée. Nhiều bài sinh học được giảng dạy ở ngoài lớp học, trong những chuyến tham quan,...

Trường Lycée Yersin ngày càng được các gia đình tin yêu. Số lượng học sinh không ngừng tăng



lên, từ 4 học sinh lúc mới thành lập, năm 1937, trường đã có 345 học sinh gồm bậc trung học - 179 học sinh (130 nam, 49 nữ); bậc tiểu học - 166 học sinh (122 nam, 44 nữ). Trong tổng số 345 học sinh có: 161 học sinh nội trú, 184 ngoại trú và bán trú; 255 học sinh có cha mẹ là người Pháp; 34 học sinh có cha người Pháp, mẹ người Việt; 42 học sinh người Việt; 14 học sinh người Việt nhập quốc tịch Pháp. Học sinh đến từ nhiều nơi ở Đông Dương gồm 66 học sinh có cha mẹ cư



Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt hiện nay





trú ở Trung Kỳ; 101 học sinh có cha mẹ cư trú ở Đà Lạt; 145 học sinh có cha mẹ cư trú ở Nam Kỳ; 32 học sinh có cha mẹ cư trú ở Căm-pu-chia; 2 học sinh có cha mẹ cư trú ở Bắc Kỳ.

**Giáo dục**

Nhờ khí hậu tuyệt vời ở Đà Lạt giúp cho việc học hành đặc biệt thuận tiện, kết quả cuối năm học rất khả quan. Thành tích kỳ thi tú tài chứng tỏ điều này:

Năm	1936			1937		
	Số thí sinh	Số trúng tuyển	Tỷ lệ (%)	Số thí sinh	Số trúng tuyển	Tỷ lệ (%)
Ban Triết	4	4	100	6	5	85,3
Ban A	9	4	44,4	9	7	77,7
Ban B	3	2	66,6	3	2	66,6
Tổng cộng	16	10	-	18	14	-

Môn âm nhạc được tổ chức đặc biệt, một giáo sư chuyên môn phụ trách giảng dạy. Một lớp nữ công, gia chánh, vệ sinh, nuôi dạy trẻ,... được dành cho nữ sinh.

**Thể thao**

Trường Lycée Yersin có một đoàn hướng đạo (Đoàn Thống chế Lyautey) với khoảng 30 đoàn sinh chia thành 4 đội và một bầy sói con với khoảng 15 em.

Các giáo sư còn tổ chức những chuyến đi dạo chơi ngoài những chuyến tham quan học tập.

Học sinh tham gia các môn thể thao: đá bóng, hockey, golf, tennis, bơi lội, bóng rổ, bóng chuyền,... Trường Lycée Yersin có một hội thể thao: A.S.L.Y. (Association sportive du Lycée Yersin). Một nhà tập thể dục trang bị đầy đủ dụng cụ dành cho học sinh.

Hàng tuần, môn thể dục được dạy trong 2 tiết (mỗi tiết 45 phút) đối với nam sinh, cộng thêm 2 giờ trò chơi thể thao. 2 tiết đối với nữ sinh lớn và 3 tiết đối với nữ sinh nhỏ.

**Chế độ nội trú cho nữ sinh**

Trong khi chờ đợi trường Lycée Yersin trở thành một khối duy nhất, các lớp tiểu học và tổ chức nội trú cho nữ sinh vẫn còn đặt tại trường Petit Lycée, cách trường Grand Lycée khoảng 4,5 km.

Nữ sinh được nhận tất cả các dịch vụ đặc biệt (nhà nội trú, nhà ăn tập thể, phòng học, phòng tắm, sân chơi và thể thao). Nữ sinh bậc trung học đến trường Grand Lycée chỉ để học tập, được một xe ca lớn 40 chỗ ngồi chuyên chở đến trường Grand Lycée.

Trong những điều kiện này, hai giới nam sinh và nữ sinh học chung không bất tiện, số lượng nữ sinh nội trú ngày càng tăng chứng minh điều này.

**Y tế**

Tổ chức y tế trong trường Lycée Yersin đặc biệt tốt.

Học sinh được chăm sóc chu đáo; nhà bếp, vệ sinh được kiểm soát chặt chẽ. Học sinh thay đổi về trọng lượng và chiều cao trong năm học, không kể những đôi má hồng hào khi học sinh trở về với gia đình vào dịp nghỉ hè!

**Công trình dự kiến**

Dự kiến sẽ xây dựng: tòa nhà hành chính (văn phòng, phòng khách, phòng danh dự,...), tòa nhà 3 tầng với 14 lớp học, giảng đường dành cho các môn khoa học: vật lý, hóa học, sinh học, phòng thí nghiệm, phòng vẽ,...

Các công trình khác như: cư xá, trạm xá, xưởng giặt, khu nội trú nữ sinh, các lớp mới bậc tiểu học,... đang được nghiên cứu.

Với sĩ số ngày càng tăng, các công trình ngày càng phát triển làm cho Đà Lạt trở thành một trung tâm giáo dục thực sự sinh động và hoàn hảo. ■

<sup>1</sup> Petit Lycée: Trường trung học công lập nhỏ, nay là Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt ở đường Hoàng Văn Thụ.

<sup>2</sup> Grand Lycée: Trường trung học công lập lớn, năm 1935 mang tên Lycée Yersin, nay là Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt ở đường Yersin.

<sup>3</sup> Trong hệ thống giáo dục Pháp, các lớp học được gọi từ lớp 11 (Onzième) đến lớp 1 (Première). Sau đó, học sinh chọn 1 trong 3 lớp: Triết học (Philosophie gọi tắt là Philo), Khoa học Thực nghiệm (Sciences expérimentales gọi tắt là Sciences Ex) hay Toán học Sơ cấp (Mathématiques Élémentaires, gọi tắt là MATHELEM). Lớp Sixième tương đương với lớp 6 hiện nay.

<sup>4</sup> năm 1937

<sup>5</sup> Trong hệ thống giáo dục Pháp, thầy dạy bậc tiểu học gọi là instituteur (thường dịch là giáo viên), thầy dạy bậc trung học và đại học gọi là professeur (thường dịch là giáo sư).

Nguồn: Dalat, centre universitaire. L'Asie Nouvelle Illustrée, Saigon, 1937, N°56



## Một số hình ảnh HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÝ III



Sở Khoa học và Công nghệ viếng Nghĩa trang liệt sĩ Tp. Đà Lạt, thăm và tặng quà các cựu chiến binh trên địa bàn phường 10 nhân Kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ



Nghiệm thu đề tài: "Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Cát Tiên - Lâm Đồng"



Họp Ban chỉ đạo ứng phó sự cố hạt nhân tỉnh Lâm Đồng năm 2017



Tập huấn nghiệp vụ thông tin và thống kê khoa học và công nghệ năm 2017 tại Lâm Đồng



Sở Khoa học và Công nghệ tham gia Hội thi cải cách hành chính nhà nước năm 2017



Hội nghị Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin khoa học và công nghệ tại Lâm Đồng



# Moät soá hình aùnh

## HỢP TÁC GIỮA TỈNH LÂM ĐỒNG VÀ TỈNH BOLYKHAMXAY, CHAMPASAK (LÀO)



Ký kết Biên bản ghi nhớ thiết lập quan hệ hợp tác giữa tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bolykhamxay



Lãnh đạo 2 tỉnh Lâm Đồng và Champasak dự Lễ khởi công xây dựng Trường phổ thông năng khiếu Champasak



Đoàn công tác tỉnh Lâm Đồng thăm và làm việc tại tỉnh Champasak (tháng 5/2013)



Đoàn công tác tỉnh Lâm Đồng thăm và làm việc tại tỉnh Bolykhamxay (tháng 6/2017)



Đoàn công tác tỉnh Bolykhamxay thăm cơ sở sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng



Thăm trại thực nghiệm do tỉnh Lâm Đồng hỗ trợ tại huyện Paksong (tháng 5/2013)